



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 17/2023**  
Từ 01/5 - 05/5/2023

**TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**TIN TRUNG ƯƠNG**

**CHỈ ĐẠO NỘI DUNG**

\*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA  
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG  
VỤ TRƯỞNG  
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
BỘ NỘI VỤ  
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO  
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH  
CỦA CHÍNH PHỦ

**BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY**

\*

TRUNG TÂM THÔNG TIN  
BỘ NỘI VỤ

**ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**

SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT  
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI

**ĐIỆN THOẠI**

024.62821016

**EMAIL**

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

**WEBSITE**

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:**

**KHẨN TRƯỞNG RÀ SOÁT, XỬ LÝ KIẾN NGHỊ  
CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, NÂNG CAO HIỆU LỰC,  
HIỆU QUẢ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

Ngày 04/5/2023, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký ban hành Công điện số 365/CD-TTg chỉ đạo khẩn trương rà soát, kịp thời xử lý các kiến nghị, đề xuất của địa phương, Bộ, ngành nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký Công điện số 365/CD-TTg chỉ đạo khẩn trương rà soát, kịp thời xử lý các kiến nghị, đề xuất của địa phương, Bộ, ngành nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành

Trong Công điện có nêu, thời gian qua, căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Quy chế làm việc của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (gọi chung là Bộ, cơ quan) và các địa phương đã tăng cường quan hệ công tác, phối hợp giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết nhiều vấn đề quan trọng, góp phần tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc cho người dân và doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và cả nước.

Tuy nhiên, thực tế vẫn còn tình trạng nhiều kiến nghị, đề xuất của địa phương gửi các Bộ, cơ quan chưa được giải quyết, trả lời, hướng dẫn kịp thời, cá biệt có một số trường hợp rất chậm trễ, để tồn đọng kéo dài; có trường hợp trả lời, hướng dẫn nhưng còn chung chung, né tránh, không rõ quan điểm, không đúng vấn đề cần được giải quyết; việc phối hợp giữa một số Bộ, cơ quan để giải quyết các kiến nghị, đề xuất của địa phương nhiều lúc chưa chặt chẽ, kịp thời; một số cơ quan chủ trì lạm dụng việc lấy ý kiến phối hợp để né tránh trách nhiệm của Bộ, cơ quan mình...

Đề khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên, nâng cao hiệu quả và kịp thời xử lý công việc, đóng góp thiết thực vào phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và cả nước; Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan, địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022; tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 280/CĐ-TTg ngày 19/4/2023, tăng cường quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ với chính quyền địa phương trong xử lý công việc.

### **Giải quyết ngay những vấn đề tồn đọng, quá thời hạn chưa được xử lý**

Trong đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ đề cao trách nhiệm người đứng đầu, đồng thời phát huy trách nhiệm của lãnh đạo Bộ, cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức trong giải quyết các kiến nghị, đề xuất của địa phương, các Bộ, ngành và phải xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, cần giải quyết kịp thời, dứt điểm nhằm góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, Bộ, ngành, phục vụ lợi ích của Nhân dân và đất nước.

Tập trung, khẩn trương rà soát các kiến nghị, đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các Bộ, ngành đã được gửi đến các Bộ, cơ quan và chịu trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền, đúng thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 11 Quy chế làm việc của Chính phủ, đặc biệt phải giải quyết ngay những vấn đề tồn đọng, quá thời hạn chưa được xử lý, không để tiếp tục chậm trễ, kéo dài.

Trường hợp vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương, Bộ, ngành thì các Bộ, cơ quan nhận được kiến nghị, đề xuất phải có văn bản trả lại ngay, nêu rõ lý do và căn cứ của việc không xem xét, giải quyết, không phải thẩm quyền; đồng thời có hướng dẫn phù hợp (nếu cần thiết).

### **Có văn bản trả lời, hướng dẫn ngay, rõ ràng, dứt khoát, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm**

Đối với kiến nghị, đề xuất của địa phương, Bộ, ngành cần phải lấy ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan:

Khi nhận được kiến nghị, đề xuất của địa phương, Bộ, ngành; các Bộ, cơ quan chủ trì phải có ngay văn bản gửi các Bộ, cơ quan liên quan để lấy ý kiến, trong đó nêu rõ vấn đề lấy ý kiến, thời hạn trả lời. Tuyệt đối không lấy ý kiến phối hợp của Bộ, cơ quan không liên quan. Quá trình lấy ý kiến, Bộ, cơ quan chủ trì cần chủ động, tích cực phối hợp, đôn đốc, trao đổi trực tiếp để Bộ, cơ quan phối hợp có ý kiến trả lời kịp thời, đúng hạn.

Sau khi nhận được ý kiến của Bộ, cơ quan phối hợp; Bộ, cơ quan chủ trì có trách nhiệm xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản trả lời, hướng dẫn ngay, rõ ràng, dứt khoát, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm.

Trường hợp quá hạn mà Bộ, cơ quan được lấy ý kiến không trả lời hoặc chậm trả lời thì xử lý theo đúng quy định của Quy chế làm việc của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại điểm c Khoản 1 Công điện số 280/CĐ-TTg.

Thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các kiến nghị, đề xuất của các địa phương, Bộ, ngành bảo đảm không bỏ sót, chậm trễ trong xử lý công việc.

### **Không trình công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình lên Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

Thủ tướng Chính phủ cũng yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động, tích cực thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn; chịu trách nhiệm quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền hoặc được ủy quyền theo quy định của pháp luật; không trình, báo cáo công việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình lên Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 280/CD-TTg.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát các văn bản đề nghị của địa phương đã gửi đến các Bộ, ngành, cơ quan ở Trung ương mà chưa được giải quyết; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; đồng thời tích cực, chủ động phối hợp, trao đổi và thường xuyên đôn đốc. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị làm việc với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan để xử lý kịp thời các kiến nghị, đề xuất của địa phương theo đúng quy định tại Khoản 4 Điều 11 Quy chế làm việc của Chính phủ.

### **Báo cáo trước ngày 15/5/2023 về những đề nghị của địa phương, Bộ, ngành vẫn chưa được xem xét, giải quyết**

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được giao tại Công điện này; báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách trước ngày 15/5/2023 về những đề nghị của địa phương, Bộ, ngành vẫn chưa được các Bộ, cơ quan xem xét, giải quyết để kịp thời chỉ đạo, đôn đốc giải quyết theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Văn phòng Chính phủ chủ động, thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các Bộ, cơ quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao có liên quan đến địa phương. Trên cơ sở báo cáo của các Bộ, cơ quan, địa phương, hằng tháng, Văn phòng Chính phủ báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ kết quả giải quyết các kiến nghị, đề xuất của Bộ ngành, địa phương và có biện pháp chỉ đạo, đôn đốc kịp thời, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

# TRÌNH CHÍNH PHỦ BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH MỚI VỀ SỐ LƯỢNG NHÂN SỰ CẤP PHÓ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP

Bộ Nội vụ hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chí xác định số lượng cấp phó trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trong Quý II/2023.

**Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị**

Theo dự thảo Báo cáo công tác cải cách hành chính Quý I và phương hướng, nhiệm vụ Quý II/2023 của Bộ Nội vụ, trong Quý II/2023, các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, ban hành các giải pháp cụ thể, thiết thực và tạo đột phá mạnh mẽ để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch cải cách hành chính năm 2023 của các Bộ, cơ quan, địa phương.

Tiếp tục phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các Bộ, ngành, địa phương trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính. Tập trung ưu tiên nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch kiểm tra năm 2023 đã phê duyệt.

Bộ Nội vụ tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của các Bộ, các tỉnh và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2022, bảo đảm chính xác, khách quan và công bằng.

Các Bộ, cơ quan đẩy nhanh tiến độ rà soát, sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, đáp ứng tiêu chí theo quy định của Chính phủ.

Bộ Nội vụ hoàn thiện trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chí xác định số lượng cấp phó trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

## **Triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu liên quan đến người dân**

Tập trung ưu tiên nguồn lực để đẩy mạnh triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, quy định thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm thực chất, hiệu quả trên cơ sở lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Ban hành các giải pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu liên quan đến người dân theo Đề án 06.

Khẩn trương nghiên cứu, tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật để thực thi các phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các Bộ, cơ quan khẩn trương ban hành các văn bản pháp luật theo quy định tại Nghị định số 104/2022/NĐ-CP, nhằm thực hiện nghiêm quy định bỏ Sổ hộ khẩu giấy, Sổ tạm trú giấy, hướng dẫn đầy đủ, thống nhất việc sử dụng dữ liệu dân cư, mã số định danh cá nhân trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân theo quy định của Luật Cư trú năm 2020 và các văn bản hướng dẫn.

### **Hoàn thành ban hành hướng dẫn vị trí việc làm của công chức, viên chức**

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính. Các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực hoàn thành việc ban hành hướng dẫn vị trí việc làm của công chức, viên chức, tạo điều kiện cho các Bộ, ngành khác và địa phương triển khai thực hiện.

Hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định về đổi mới công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật để đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm đồng bộ quy định của Đảng và thiết thực, hiệu quả.

Tiếp tục xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách phát hiện, trọng dụng nhân tài và chính sách liên thông cán bộ, công chức cấp xã với cấp huyện, cấp tỉnh, góp phần nâng cao năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

### **Đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập**

Tăng cường rà soát, tháo gỡ những rào cản về thể chế, cơ chế để nâng cao hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công tại các Bộ, ngành, địa phương. Tổ chức triển khai có hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại cơ quan hành chính và các đơn vị sự nghiệp công lập.

Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; phối hợp các Bộ, ngành hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để đẩy mạnh tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập và xã hội hóa dịch vụ công ở các lĩnh vực có đủ điều kiện.

Các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát, hướng dẫn, chuẩn hóa quy trình, tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP; ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân, doanh nghiệp tăng cường sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng đến cấp thôn, xóm, tổ dân phố để hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, nhằm thúc đẩy chuyển đổi số xuất phát từ người dân, tiếp cận người dân và vì lợi ích của Nhân dân.

*Nguồn: xaydungchinh sach.chinhphu.vn*

## CHỈ ĐẠO CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

### **\* Đào tạo chuyên sâu các ngành chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn**

Ngày 29/4/2023, Văn phòng Chính phủ ban hành Văn bản 165/TB-VPCP thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi thăm và làm việc với Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc.

Thông báo nêu rõ, bên cạnh việc ghi nhận, biểu dương những nỗ lực và thành tích mà Đại học Quốc gia Hà Nội đã đạt được, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu Đại học Quốc gia Hà Nội cần tập trung thực phát huy bề dày truyền thống lịch sử, coi đây là tài sản vô giá để không ngừng phát huy và nhân rộng những bài học hay, kinh nghiệm quý, cách làm hiệu quả; phát huy tinh thần đoàn kết, chung sức, chung lòng, không ngừng đổi mới sáng tạo với khát vọng phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội lên tầm cao mới, sớm trở thành một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu khoa học theo mô hình hiện đại, có tầm cỡ, uy tín trong khu vực và quốc tế.

Trong đó, lựa chọn để tập trung vào một số lĩnh vực khoa học cơ bản, đào tạo chuyên ngành, mũi nhọn, chất lượng cao, có thế mạnh của Việt Nam, phù hợp với xu thế của thế giới, nhất là đào tạo chuyên sâu các ngành chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, với phương châm "đi tắt đón đầu" và "đi sau đến trước".

Gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển đồng thời cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn, khoa học cơ bản và khoa học ứng dụng, nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là góp phần phát triển, hoàn thiện nền tảng tư tưởng, cung cấp luận cứ khoa học, tin cậy cho Đảng và Nhà nước trong việc hoạch định chiến lược, xây dựng chủ trương, đường lối, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đất nước, bảo vệ an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị.

Bám sát thực tiễn, xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng thực tiễn, lấy thực tiễn làm thước đo, tập trung giải quyết những vấn đề lớn, điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc cả về lý luận và thực tiễn ở cấp quốc tế, quốc gia cũng như cấp địa phương. Bối cảnh thay đổi thì tư duy cũng phải thay đổi phù hợp, có vậy mới tranh thủ sức mạnh của nhân dân. Thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, thương mại hóa các kết quả, sản phẩm nghiên cứu khoa học trên cơ sở tăng cường hợp tác công tư; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào những ngành mới nổi, những ngành mũi nhọn...

Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cũng yêu cầu các Bộ, cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội chủ động, tích cực phối hợp, tạo điều kiện hỗ trợ Đại học Quốc gia Hà Nội giải quyết kịp thời, hiệu quả những khó khăn, vướng mắc; làm tốt công tác quy hoạch, phát triển đô thị vệ tinh Hòa Lạc theo hướng ưu tiên thu hút, phát triển các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, đổi mới sáng tạo chất lượng và có tính kết nối cao.

Liên quan đến việc đầu tư xây dựng Trung tâm hỗ trợ thiết kế và đo kiểm vi mạch quốc gia và Phòng thí nghiệm chế tạo vi mạch, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đồng ý về nguyên tắc, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng đề án cụ thể, báo cáo cấp có thẩm quyền theo đúng quy trình, thủ tục và quy định.

Về việc xây dựng Hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính giao Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu tổng hợp kiến nghị của Đại học Quốc gia Hà Nội trong quá trình xây dựng "Đề án phát triển hệ thống trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0", báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong Quý II/2023.

#### **\* Tạo điều kiện thuận lợi để thành lập và phát triển các trường đại học số**

Văn phòng Chính phủ đã ban hành văn bản 164/TB-VPCP thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại buổi thăm Trường Đại học FPT tại Hòa Lạc.

Văn bản nêu rõ, Tập đoàn FPT là một doanh nghiệp tiên phong hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số của nước ta. Đến nay, mặc dù đã có rất nhiều thăng trầm trong lịch sử phát triển, Tập đoàn hiện đã đạt được những kết quả rất ấn tượng và đáng được ghi nhận và biểu dương. Công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực công nghệ thông tin đã được Tập đoàn sớm xác định là một ưu tiên đầu tư hàng đầu.

Trường Đại học FPT đã được thành lập từ năm 2006 theo mô hình của một trường đại học thế hệ mới, liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, gắn đào tạo với thực tiễn, với nghiên cứu - triển khai - ứng dụng với nhiều chuyên ngành đào tạo, trong đó trọng tâm là công nghệ thông tin. Thực tế đến nay đã chứng minh được tầm nhìn chiến lược và quyết định đúng đắn của Tập đoàn.

Về các đề xuất, kiến nghị của Tập đoàn FPT liên quan đến chiến lược phát triển nguồn nhân lực, kết nối để khai thác hiệu quả các nguồn lực về công nghệ và đổi mới sáng tạo trên cả nước, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo tăng cường quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nói chung, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu; phấn đấu cùng cả nước thực hiện 2 mục tiêu trăm năm đã đề ra; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập và phát triển các trường đại học số phù hợp với xu thế của thế giới và yêu cầu trong nước.

Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước để thúc đẩy tiến độ chuyển đổi số của cả nước; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, góp phần tăng năng suất lao động tổng hợp.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai quyết liệt, hiệu quả chiến lược đào tạo nghề để đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong tình hình mới, nhất là dưới sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ có liên quan quy hoạch việc đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cả trong lĩnh vực quản lý; hoàn thiện thể chế, xây dựng cơ chế, chính sách, tổ chức thực hiện có bài bản, lớp lang, phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước và tình hình phát triển của thị trường quốc tế.

UBND thành phố Hà Nội tạo điều kiện giải quyết các thủ tục về đất đai, thủ tục hành chính cho các cơ quan, đơn vị triển khai dự án, trụ sở tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## CHÍNH PHỦ NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG MỚI, ÁP DỤNG SAU NĂM 2023

Quốc hội giao Chính phủ khẩn trương nghiên cứu hoàn thiện các nội dung cụ thể của chính sách tiền lương mới trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thực hiện vào thời điểm thích hợp sau năm 2023.

Chính phủ vừa có báo cáo tổng hợp kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri tại Kỳ họp thứ 4 và Kỳ họp bất thường lần thứ 2, Quốc hội Khóa XV thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ, Thủ tướng.

### Tiền lương chưa đáp ứng nhu cầu cuộc sống

Trong đó nhiều ý kiến của cử tri quan tâm đến tổ chức bộ máy nhà nước và cải cách hành chính, tiền lương; lao động, việc làm.

Cho rằng tiền lương hiện nay của công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động còn thấp, chưa đáp ứng nhu cầu cuộc sống, cử tri đề nghị xem xét thực hiện lộ trình tăng lương cơ bản và điều chỉnh chế độ chính sách tiền lương tương ứng với mức giá các dịch vụ sinh hoạt.

Cử tri phản ánh tình trạng dôi dư cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và nhiều trụ sở cơ quan hành chính bỏ không do tiến hành sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã.

Do đó, cử tri đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tiếp tục nghiên cứu, xây dựng chính sách hỗ trợ hợp lý hơn với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau khi sáp xếp; đồng thời, có hình thức hỗ trợ, phân bổ nguồn lực cho các địa phương để thực hiện công tác này.

Trả lời các kiến nghị, Chính phủ cho biết, từ năm 2020 đến nay do tác động bất lợi của nhiều yếu tố ở trong nước và quốc tế, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh COVID-19 nên chưa có đủ điều kiện để cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo yêu cầu của Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 Khóa XII.

Đồng thời, cũng chưa điều chỉnh tăng mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang dẫn đến đời sống của người hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn.

Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV đã thông qua việc nâng mức lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng/tháng lên 1,8 triệu đồng/tháng (tăng thêm 20,8%) từ ngày 01/7/2023 cho cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.



Đồng thời, Quốc hội giao Chính phủ khẩn trương nghiên cứu hoàn thiện các nội dung cụ thể của chính sách tiền lương mới trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thực hiện vào thời điểm thích hợp sau năm 2023, bảo đảm theo yêu cầu của Nghị quyết số 27-NQ/TW, tạo động lực cho cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, cống hiến.

### **Xem xét thông qua phương án sắp xếp huyện, xã giai đoạn 2023 -2025**

Về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, Chính phủ cho hay, nội dung này đã được quy định tại Điều 10, Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Ngoài các quy định của Chính phủ, trên cơ sở cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã cho phù hợp.

Trường hợp không thể bố trí, sắp xếp thì địa phương có báo cáo cụ thể để Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết, hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Hiện, Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ xây dựng Đề án sắp xếp đơn vị hành chính các cấp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên cơ sở tổng hợp, nghiên cứu ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương và cử tri để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đến nay, Bộ Nội vụ đã hoàn thành nhiệm vụ này và đã trình Chính phủ phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2025.

Dự kiến tại phiên họp 23 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào ngày 10/5 tới đây sẽ xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2023 - 2030.

Cử tri phản ánh hiện nay liên tiếp xảy ra làn sóng sa thải, cắt giảm giờ làm của người lao động vì doanh nghiệp thiếu đơn hàng trầm trọng.

Cử tri kiến nghị Chính phủ cần có biện pháp hỗ trợ, nghiên cứu các giải pháp, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay và có chính sách hỗ trợ đối với lực lượng công nhân lao động bị mất việc, tạm ngừng việc.

Chính phủ cho biết, từ cuối Quý 3/2022 đến nay, trước tác động bởi sự biến động của thị trường lao động quốc tế và trong nước, một số doanh nghiệp, đã gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh, bị cắt giảm đơn hàng, dẫn đến phải cắt giảm việc làm gây ảnh hưởng tới đời sống của người lao động.

Vì vậy, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công điện số 1170/CD-TTg ngày 16/12/2022 về các biện pháp ổn định, phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, bền vững và chăm lo đời sống người lao động.

Ngoài ra, Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cũng đã ban hành Nghị quyết hỗ trợ đoàn viên công đoàn, người lao động bị giảm thời gian làm việc, chấm dứt hợp đồng lao động do doanh nghiệp bị cắt, giảm đơn hàng với mức hỗ trợ từ 1 - 3 triệu đồng đối với đoàn viên công đoàn và từ 700 nghìn đến 2,1 triệu đồng đối với người lao động không là đoàn viên công đoàn.

*Nguồn: vietnamnet.vn*

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

### NGHỊ QUYẾT SỐ 17/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ THÁNG 4/2023

Theo Báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương nhanh chóng, kịp thời rà soát, chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính, tăng cường giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Nghị định số 42/2022/NĐ-CP một cách thực chất, hiệu quả; ban hành chính sách hỗ trợ, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Về công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn, phổ cập kỹ năng số cho người dân. Đồng thời, tích cực, chủ động phối hợp Bộ Nội vụ triển khai việc cập nhật, kết nối, đồng bộ dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức; giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí nguồn vốn, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn đầu tư về công nghệ thông tin cho các cơ quan Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Y tế triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06); giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các chuyên gia, đánh giá trải nghiệm người dùng để nâng cấp, hoàn thiện ứng dụng VNeID bảo đảm nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm tạo sự thuận lợi, thân thiện, dễ khai thác sử dụng cho người dân và doanh nghiệp.

Đồng thời, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tư pháp nghiên cứu giải pháp triển khai thí điểm ứng dụng VNeID trong chuyển đổi số tại một số Bộ, ngành, địa phương trong khi chờ sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách liên quan; trước mắt, sử dụng tài khoản VNeID để làm sạch dữ liệu và tạo lập tài khoản mới đối với thông tin thuê bao di động, nghiên cứu, ứng dụng dữ liệu dân cư, thẻ căn cước công dân gắn chip điện tử để các tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số công cộng, cung cấp dịch vụ chứng thư số công dân đảm bảo danh tính và triển khai thí điểm sử dụng bằng lái xe tích hợp trên tài khoản định danh điện tử tại tỉnh Bình Dương; chủ trì, phối hợp với Đại học Bách Khoa Hà Nội khai thác nền tảng giáo dục trực tuyến đại chúng mở (MOOC) trên toàn quốc để nâng cao kiến thức hỗ trợ triển khai Đề án 06 cho cán bộ, công chức, viên chức, giảm chi phí đào tạo truyền thống; giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ đánh giá tình hình nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin của các Bộ, ngành, địa phương theo Văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; chỉ đạo việc mở rộng dung lượng băng thông đường truyền, xóa vùng lùm sóng di động, cung cấp dịch vụ Internet chất lượng cao cho các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai Đề án 06.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số đã ban hành: Quyết định số 17/QĐ-UBQGČĐS ngày 04/4/2023 về Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2023; Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 về Mạng truyền số liệu

chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước; Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 phê duyệt Chiến lược chuyên đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Về xây dựng, hoàn thiện thể chế, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về Bảo vệ dữ liệu cá nhân, trong đó nêu rõ biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân được áp dụng ngay từ khi bắt đầu và trong suốt quá trình xử lý dữ liệu cá nhân.

Về xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, tính đến ngày 20/4/2023, tổng số giao dịch thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) trong tháng 4 năm 2023 là 27.247.394 giao dịch; trung bình hằng ngày có khoảng 1,36 triệu giao dịch thực hiện thông qua NDXP; tổng số giao dịch thực hiện thông qua NDXP từ khi khai trương đến nay là hơn 1,2 tỷ giao dịch.

Về xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đến nay đã kết nối chính thức với 13 đơn vị Bộ, ngành, 01 doanh nghiệp nhà nước (EVN), 03 doanh nghiệp viễn thông và 63 địa phương để phục vụ khai thác thông tin; tiếp tục hỗ trợ các đoàn thể xây dựng dữ liệu quản lý đoàn viên, hội viên. Tiếp nhận 106,1 triệu yêu cầu xác thực thông tin thuê bao của 03 nhà mạng Viettel, Vinaphone, Mobiphone, có thông tin trùng khớp là 87,7 triệu yêu cầu (82,6%).

Cơ sở dữ liệu về Bảo hiểm, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đang tiếp tục nghiên cứu, đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm nghiệp vụ, cơ sở dữ liệu của ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam để phục vụ xây dựng tài liệu Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm, hướng đến mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm như một cơ sở dữ liệu tham chiếu chung (Master data) cho tất cả các hệ thống phần mềm nghiệp vụ khai thác, đồng thời đáp ứng nhu cầu khai thác, trích xuất thông tin về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tự nguyện; đồng thời tiếp tục hoàn thiện dự thảo Quy chế Quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu trong các Hệ thống phần mềm nghiệp vụ và từ cơ sở dữ liệu tập trung Ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam sau khi tiếp thu các ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương; Nhằm bảo đảm tiến độ triển khai Đề án 06, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tiếp tục phối hợp với Bộ Công an thực hiện xác thực thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Tính đến ngày 18/4/2023, đã hoàn thành xác thực thông tin của hơn 80 triệu nhân khẩu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Về việc triển khai thí điểm khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế bằng Căn cước công dân gắn chip, toàn quốc đã có trên 12 nghìn cơ sở khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế thực hiện tra cứu thông tin thẻ Bảo hiểm y tế bằng Căn cước công dân gắn chip, với gần 25 triệu lượt tra cứu thông tin thẻ Bảo hiểm y tế bằng Căn cước công dân thành công phục vụ làm thủ tục khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế.

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tiếp tục kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu giữa Bảo hiểm xã hội với Cục Chuyên đổi số quốc gia (Bộ Thông tin và Truyền thông), Bộ Tư pháp, Tổng cục Thuế, Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), Bộ Y tế; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Nội vụ; phối hợp với Văn phòng Chính phủ kết nối, cung cấp thông tin trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, thực hiện tổng hợp báo cáo số liệu hàng ngày, thống kê tình hình hỗ trợ các nhóm đối tượng tại Chương I, II, III Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, dữ liệu từ Bảo hiểm xã hội cấp huyện trở lên được tự động cập nhật lên Hệ thống thông tin báo cáo

Chính phủ; tiếp tục phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ liên quan hoàn thiện quy trình để tích hợp, cung cấp các dịch vụ công.

Về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc, tính đến ngày 21/4/2023, trên Hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch đã có 35.204.761 dữ liệu đăng ký khai sinh, trong đó có 8.663.345 trẻ em được cấp Số định danh cá nhân theo quy định, 4.803.772 hồ sơ khai sinh có số định danh cá nhân được chuyển sang hệ thống của Bảo hiểm xã hội; 8.517.902 dữ liệu đăng ký kết hôn; 5.329.140 dữ liệu đăng ký khai tử và 9.567.144 dữ liệu khác.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, tiếp tục triển khai dự án “Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (dự án VILG), khối lượng xây dựng cơ sở dữ liệu sau điều chỉnh là 250 huyện, thuộc 30 tỉnh, thành phố (trong đó, xây dựng mới cơ sở dữ liệu là 160 huyện và chuyển đổi cơ sở dữ liệu là 90 huyện), đã vận hành cơ sở dữ liệu đất đai thường xuyên tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh của các tỉnh, thành phố. Đã hoàn thành kết nối, liên thông dữ liệu đất đai của 52/63 địa phương với Hệ thống tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai quốc gia; kết nối dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, cơ sở dữ liệu đất đai cấp địa phương với Nền tảng NDXP, Trung tâm điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và sẵn sàng chia sẻ dữ liệu cho các Bộ, ngành, địa phương (từ tháng 7/2021). Hiện nay, tất cả 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã và đang triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai với 217/705 đơn vị cấp huyện với 43 triệu thửa đất đã hoàn thành và đưa vào sử dụng thường xuyên tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các Chi nhánh của các tỉnh, thành phố; tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu 250 huyện, thuộc 30 tỉnh, thành phố, dự kiến hoàn thành 6/2023.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hiện chứa thông tin đăng ký doanh nghiệp theo thời gian thực của hơn 01 triệu doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc; đã kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, Công dịch vụ công quốc gia qua Trục liên thông văn bản quốc gia (VDXP); đã thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp với các Hệ thống sau: Hệ thống thông tin đầu tư nước ngoài, Hệ thống thông tin đấu thầu qua mạng; Hệ thống thông tin của một số Bộ, ngành và địa phương thông qua Trục tích hợp dữ liệu quốc gia (NGSP) như Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp đổi giấy phép kinh doanh vận tải, biển hiệu phù hiệu xe ô tô của Bộ Giao thông vận tải, Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh Thừa Thiên - Huế, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian tới, tiếp tục mở rộng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống một cửa điện tử tại một số địa phương.

Về việc xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính (triển khai 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành), đến nay Bộ Tài chính đã hoàn thành xây dựng và đã đưa vào triển khai sử dụng 10 cơ sở dữ liệu chuyên ngành; 02 cơ sở dữ liệu chuyên ngành đang tổ chức nâng cấp và hoàn thiện.

Số lượng văn bản điện tử gửi, nhận trong tháng 4 năm 2023 là 754.728 văn bản (Gửi: 150.493 văn bản, nhận 604.235 văn bản). Trong 04 tháng đầu năm 2023, số lượng văn bản điện tử, gửi, nhận qua Trục khoảng 2,3 triệu văn bản. Tính đến nay đã có hơn 21,5 triệu văn bản gửi, nhận trên Trục.

Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet), trong tháng đã phục vụ 03 phiên họp Chính phủ và xử lý 39 Phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn 13 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy). Tính đến nay, Hệ thống đã phục vụ 73 hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý 1.575 phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (thay thế hơn 557 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy).

Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia, Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong tháng 4, đã xây dựng Infographic báo cáo tình hình kinh tế - xã hội phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2023; Tổ chức làm việc với 06 Bộ, ngành về các nội dung phục vụ xây dựng Khung bộ chỉ số phục vụ chỉ đạo, điều hành trong các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước và kết nối thông tin, dữ liệu theo Quyết định số 1498/QĐ-TTg ngày 11/9/2021; Hướng dẫn, tổng hợp nhu cầu chia sẻ thông tin, dữ liệu của các địa phương từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của Bộ, ngành.

Các Bộ, ngành, địa phương đang tiếp tục thúc đẩy triển khai dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

Từ ngày 20/3 đến ngày 20/4/2023, Cổng dịch vụ công quốc gia đã có hơn 855 nghìn tài khoản đăng ký; hơn 5,9 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái; hơn 1,8 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích; hơn 1,8 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng; hơn 1,5 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 505 tỷ đồng. Tính đến nay, Cổng dịch vụ công quốc gia đã cung cấp 4.405 dịch vụ công trực tuyến; có hơn 6,35 triệu tài khoản đăng ký; hơn 1,65 tỷ lượt truy cập tìm hiểu thông tin; hơn 188,8 triệu hồ sơ đồng bộ; hơn 14,2 triệu lượt thực hiện các dịch vụ tiện ích; 13,1 triệu hồ sơ trực tuyến từ Cổng; hơn 8,3 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến với số tiền hơn 4,99 nghìn tỷ đồng; hơn 285 nghìn cuộc gọi tới tổng đài.

Về việc xây dựng chính phủ điện tử gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân, trong tháng 4 năm 2023, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý 498 cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam, giảm 5,1% so với tháng 3/2023, giảm 46,9% so với cùng kỳ tháng 4/2022.

*Manh Tuyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*

## NGÀNH TƯ PHÁP: TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

Là đơn vị đứng thứ hai Bảng xếp hạng về Chỉ số cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (PAR Index) 2022, Bộ Tư pháp đã triển khai toàn diện, bài bản các nhiệm vụ được giao.

## Quyết liệt xử lý văn bản có nội dung trái pháp luật

Trong công tác chỉ đạo cải cách thể chế, Bộ Tư pháp tiếp tục tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tăng cường chỉ đạo công tác xây dựng thể chế, soạn thảo, trình các dự án luật, pháp lệnh thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022; thực hiện việc lập đề nghị của Chính phủ về Chương trình năm 2023, điều chỉnh Chương trình năm 2022 và đẩy mạnh việc ban hành văn bản quy định chi tiết. Chính phủ đã tổ chức 8 phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật; ban hành nhiều nghị quyết, văn bản để chỉ đạo, yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng lập đề nghị xây dựng, soạn thảo các luật, pháp lệnh và khắc phục tình trạng nợ ban hành văn bản.

Công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, kịp thời phát hiện và quyết liệt trong kiến nghị xử lý các văn bản có nội dung trái pháp luật. Trong năm, các Bộ, ngành, địa phương đã kiểm tra theo thẩm quyền hơn 11.900 văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả theo quy định. Theo thống kê, cả nước đã tập trung rà soát được hơn 27.800 văn bản quy phạm pháp luật, kiến nghị xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới) đối với trên 5.700 văn bản (tăng 2,7% so với năm 2021).

Tổ chức pháp chế các Bộ, ngành đã tham mưu, tập trung thực hiện pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật với tinh thần khẩn trương. Đến nay, đã cơ bản hoàn thành Bộ Pháp điển sớm hơn so với lộ trình đề ra (đã hoàn thành 263/271 đề mục, đạt 97% khối lượng Bộ pháp điển), giúp người dân, tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan dễ dàng, thuận tiện trong tìm kiếm, tra cứu, quản lý các quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực, góp phần nâng cao tính thống nhất, công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật.

Đáng chú ý, thể chế về theo dõi thi hành pháp luật tiếp tục được nghiên cứu để hoàn thiện. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được các Bộ, ngành, địa phương thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, bám sát các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2022 về các chính sách hỗ trợ người dân, người lao động, người sử dụng lao động, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19.

Các Bộ, ngành, địa phương đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp thực hiện các giải pháp để nâng cao điểm số và duy trì thứ hạng chỉ số Chi phí tuân thủ pháp luật (Chỉ số B1). Theo đó, các đơn vị đã triển khai các hoạt động nhằm nâng cao điểm số và duy trì thứ hạng Chỉ số, như: tiếp tục thực hiện nghiêm việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, đặc biệt là các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh, thủ tục hành chính. Trong đó, chú trọng tới các giải pháp khắc phục sự chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu tính khả thi, làm tăng chi phí tuân thủ pháp luật trong các lĩnh vực.

## Thực hiện tốt hơn quyền đăng ký hộ tịch của người dân

Một trong những điểm sáng trong công tác cải cách hành chính của Bộ, ngành Tư pháp là đã xây dựng và vận hành có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đến nay, Bộ Tư pháp đã triển khai Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch dùng chung (miễn phí) tại tất cả các cơ quan đăng ký hộ tịch trên cả nước. Việc mở rộng triển khai phạm vi áp dụng Phần mềm bước đầu đáp ứng được yêu cầu về nghiệp vụ đăng ký, quản lý hộ tịch, góp phần cải cách mạnh mẽ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch; tạo thuận lợi, rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền đăng ký hộ tịch của người dân, đặc biệt là quyền khai sinh cho trẻ em. Đồng thời, việc triển khai Phần mềm cũng cung cấp dữ liệu xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về dân cư, góp phần đẩy mạnh xây dựng Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2022 - 2030.

Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử tiếp tục được hoàn thiện với gần 58,3 triệu dữ liệu hộ tịch các loại, bao gồm: gần 36,4 triệu dữ liệu đăng ký khai sinh; hơn 8 triệu dữ liệu đăng ký kết hôn; gần 6,1 triệu trường hợp đăng ký khai tử và hơn 7,8 triệu dữ liệu đăng ký các sự kiện hộ tịch khác.

Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tiếp tục kết nối, chia sẻ thông tin. Các đơn vị đã hoàn thành thử nghiệm dịch vụ khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên cơ sở số định danh cá nhân/căn cước công dân/số chứng minh nhân dân; thử nghiệm dịch vụ đồng bộ thông tin giữa 2 Cơ sở dữ liệu và dự kiến sẽ cập nhật các chức năng khai thác trên Hệ thống chính thức để kiểm thử, đưa vào khai thác trong thời gian tới.

Tuy nhiên, Bộ Tư pháp nhìn nhận, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hiện mới chỉ dừng ở mức: Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử cung cấp thông tin về khai sinh cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cung cấp số định danh cho Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Mặc dù, Bộ có nhiều văn bản hướng dẫn và đôn đốc nhưng tiến độ triển khai nhiệm vụ tại một số địa phương còn chưa kịp thời. Việc liên thông giữa hệ thống một cửa điện tử của địa phương với Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử chưa được khai thác, sử dụng triệt để.

Để khắc phục những hạn chế này, Chánh Văn phòng Bộ Tư pháp Nguyễn Quốc Hoàn cho biết, thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục tăng cường việc kết nối, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến của Bộ, kết nối thêm các dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Đặc biệt, tập trung thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ của Bộ Tư pháp theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; đầu tư xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm ứng dụng của ngành Tư pháp, trong đó ưu tiên đầu tư cho Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc để chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác.

*Nguồn: ttxvn/baotintuc.vn*

## CẢI CÁCH MÔI TRƯỜNG KINH DOANH, GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHỤC HỒI KINH TẾ

Theo báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh - PCI 2022 được công bố mới đây, tỉnh Long An đã trở lại nhóm 10 địa phương dẫn đầu bảng xếp hạng khi tăng 6 bậc so với năm ngoái. Đây là kết quả nỗ lực trong năm qua với nhiều giải pháp đổi mới, sáng tạo và sát thực tiễn từ chính quyền tỉnh. Đặc biệt, tỉnh Long An nỗ lực thực hiện tốt cơ chế "một cửa, tại chỗ", thống nhất đầu mối quản lý, hoàn thiện cung cách phục vụ, tạo điều kiện thuận lợi và lòng tin cho nhà đầu tư.

Trong đó, việc thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chỉ trong 1 ngày kể từ thời điểm nộp đủ hồ sơ đăng ký đầu tư, là minh chứng dễ thấy nhất về nỗ lực đơn giản hóa thủ tục cho doanh nghiệp của chính quyền địa phương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An Nguyễn Văn Út cho biết: “Về thủ tục cải cách hành chính, đặc biệt với nhà đầu tư FDI, chúng tôi chỉ giải quyết hồ sơ trong vòng một ngày. Việc làm này sẽ giúp nhà đầu tư có cách nhìn tốt về môi trường đầu tư, như CocaCola chúng tôi tiếp nhận hồ sơ, sáng nhận hồ sơ, chiều cấp giấy chứng nhận, là nỗ lực cải cách của cả thủ tục hành chính khác để tạo điều kiện cho nhà đầu tư”.

Đồng hành và chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp, đối thoại ghi nhận và tháo gỡ ngay vướng mắc cho nhà đầu tư, đây là nhận thức đã được nhiều cấp chính quyền coi là giải pháp để thúc đẩy sự hồi phục của địa phương.

“Tỉnh Bắc Ninh là một trong những địa phương đứng đầu toàn quốc trong hỗ trợ doanh nghiệp, như ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ chi phí chuyển đổi toàn bộ chữ ký số cho doanh nghiệp. 100% doanh nghiệp thành lập qua mạng, thông qua mô hình 5 tại chỗ của Trung tâm hành chính công cấp tỉnh tiếp cận đất đai” - Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh Vương Quốc Tuấn cho biết.

Từ góc độ cơ quan đại diện cộng đồng doanh nghiệp, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đánh giá, việc giảm các phiền hà về tuân thủ thủ tục hành chính, giảm gánh nặng chi phí không chính thức ở các địa phương, sẽ có hiệu quả tương đương như các gói hỗ trợ về tiền tệ và tài khóa mà Chính phủ đã ban hành trong thời gian qua, để thúc đẩy phục hồi kinh tế.

Do đó, trong bối cảnh kinh tế vĩ mô nhiều thách thức như hiện nay, lại chính là lúc chính quyền các địa phương cần chứng minh bản lĩnh và năng lực giải quyết các vấn đề mới, cải thiện hiệu quả việc hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt trong việc gia nhập thị trường và tạo thuận lợi tiếp cận các nguồn lực sản xuất như đất đai, lao động, tín dụng.

*Nguồn: vov.vn*



## KHO BẠC NHÀ NƯỚC: DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TẠO ẤN TƯỢNG TÍCH CỰC VỚI KHÁCH HÀNG

Với nền tảng kho bạc điện tử, toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước đang hướng tới kho bạc số theo mục tiêu đã đặt ra trong Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2030. Cải cách hành chính, hiện đại hóa các khâu nghiệp vụ là hướng đi chủ đạo của toàn hệ thống trong thời gian tới.

### **Thực hiện đúng mục tiêu “khách hàng là trọng tâm phục vụ”**

Là khách hàng gắn bó với Kho bạc Nhà nước tỉnh Thái Nguyên từ nhiều năm nay, chị Đỗ Thị Quỳnh Mai - cán bộ tài chính - kế toán thuộc Ủy ban nhân dân phường Phan Đình Phùng, TP. Thái Nguyên có ấn tượng rất tốt với dịch vụ công trực tuyến của Kho bạc Nhà nước.

Chị Mai cho biết, thực hiện 2 nghiệp vụ kế toán (chi thường xuyên và chi đầu tư) chị đã gặp không ít áp lực trong công việc. Nhưng dịch vụ công trực tuyến của kho bạc đã giúp chị không còn phải chờ đợi, xếp hàng hoặc phải "chạy đi, chạy lại" để bổ sung thêm hồ sơ, chứng từ như trước đây.

“Nhờ dịch vụ công trực tuyến, tôi có thể ngồi ngay tại trụ sở cơ quan hoặc tại nhà vào bất kỳ thời gian nào để gửi hồ sơ thanh toán vốn tới kho bạc. Do đó, tôi đã có thêm thời gian để trau dồi nghiệp vụ và nghiên cứu những cơ chế, chính sách mới” - chị Mai chia sẻ.

Đối với chị Phạm Như Phương - Kế toán trưởng Quận ủy quận 6, TP. Hồ Chí Minh, những cải cách, hiện đại hóa của Kho bạc Nhà nước thời gian qua đã giúp chị, cũng như đơn vị của mình thuận lợi hơn rất nhiều trong công việc. Chị cho biết: “Dịch vụ công trực tuyến đã giúp cho đơn vị tiết giảm tối đa chi phí và thời gian đi lại, đồng thời tăng tính công khai, minh bạch của thủ tục hành chính công và nâng cao trình độ chuyên môn, các kiến thức về công nghệ thông tin của công chức đơn vị”.

Cũng theo chị Phương, việc ứng dụng cảnh báo rủi ro giúp thủ trưởng đơn vị và những người trực tiếp làm công tác kế toán nắm bắt nhanh hơn tình hình biến động số dư tài khoản để có kế hoạch chi tiêu hợp lý. "Việc tăng cường thanh toán không dùng tiền mặt thời gian qua của kho bạc đã giúp đơn vị thực hiện các khoản thanh toán nhanh chóng, an toàn, chính xác và tiết kiệm" - chị Phương nói.

Nhận xét này đã minh chứng cho những nỗ lực, cố gắng của toàn hệ thống Kho bạc Nhà nước trong suốt thời gian qua cho mục tiêu chung đó là "khách hàng là trọng tâm phục vụ"...

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tiếp tục mở ra nhiều cánh cửa mới cho việc quản lý và điều hành ngân sách nhà nước theo hướng hiện đại hơn, thay đổi phương thức quản lý từ chứng từ giấy sang phương thức quản lý trên nền tảng số. Không dừng lại ở đó, với vai trò là trung tâm kết nối các hoạt động quản lý quỹ ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước tiếp tục tham gia vào việc chuyển đổi số.

Theo đó, toàn hệ thống đã triển khai thí điểm công nghệ ký số từ xa, giúp cho các đơn vị sử dụng ngân sách không phải phụ thuộc vào thiết bị USB token (chữ ký số), cho phép kiểm

tra sinh trắc học (khuôn mặt hoặc vân tay), chống việc cho mượn USB token nhằm tăng cường tính bảo mật. Đồng thời, Kho bạc Nhà nước đã thực hiện thí điểm kết nối dữ liệu với các nhà cung cấp dịch vụ điện, nước và viễn thông để chủ động thanh toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo ủy quyền điện tử của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước TP. Hà Nội và Kho bạc Nhà nước TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Kho bạc Nhà nước đã hoàn thành việc triển khai diện rộng chương trình ĐTKB (chương trình quản lý, kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc Nhà nước). Các đơn vị Kho bạc Nhà nước đã khai thác sử dụng chương trình phục vụ cho việc kiểm soát chi đầu tư từ khâu tổng mức đầu tư, kế hoạch vốn trung hạn, kế hoạch vốn hàng năm, các hạng mục dự án, công trình và theo từng hợp đồng A - B, thực hiện cam kết chi và kiểm soát thanh toán. Đồng thời, dữ liệu được tổng hợp kịp thời để lên báo cáo định kỳ theo Thông tư số 15/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính...

Bên cạnh việc nâng cấp, xây dựng các hệ thống, chương trình phần mềm ứng dụng, Kho bạc Nhà nước chú trọng xây dựng thiết kế tổng thể hệ thống an toàn công nghệ thông tin Kho bạc Nhà nước theo chuẩn thông lệ quốc tế và chính sách an toàn thông tin; hoàn thành việc xây dựng môi trường dự phòng thảm họa cho các hệ thống công nghệ thông tin. Việc làm này đã giúp hạn chế tối đa các nguy cơ gây mất an toàn thông tin, giúp cho các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của Kho bạc Nhà nước hoạt động ổn định, an toàn và hiệu quả.

### **Tập trung cải cách hành chính, hiện đại hóa**

Với đích đến là kho bạc số vào năm 2030, cải cách hành chính, hiện đại hóa các nghiệp vụ tiếp tục là nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống Kho bạc Nhà nước trong giai đoạn phát triển mới. Phó Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước Nguyễn Mạnh Cường cho biết, phát huy những kết quả đã đạt được trong cải cách hành chính, Kho bạc Nhà nước tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và quy trình nghiệp vụ, nhất là các đề án, chính sách thuộc Chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2030 của Bộ Tài chính để tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, nhằm tiếp tục cải cách công tác quản lý quỹ ngân sách nhà nước, quản lý ngân quỹ nhà nước, huy động vốn và tổng kế toán nhà nước.

### **Kho bạc số là xu hướng tất yếu**

Phát triển kho bạc số là xu hướng tất yếu để phát triển hệ thống kho bạc nhà nước hiện đại, góp phần thực hiện thắng lợi Chiến lược tài chính đến năm 2030, đã được phê duyệt tại Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 18/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và đồng bộ với chiến lược phát triển của các ngành, lĩnh vực liên quan; phù hợp với nhu cầu, lợi ích của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và quá trình chuyển đổi công nghệ số ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, Kho bạc Nhà nước tập trung cải cách thủ tục hành chính theo hướng giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa quy trình, thực hiện giao dịch hoàn toàn trên môi trường điện tử. Để cho công cuộc chuyển đổi số được nhiều thuận lợi, góp phần xây dựng chính phủ số, Kho bạc Nhà nước cho biết, trước mắt, đơn vị sẽ phối hợp với các bên có liên quan tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chuỗi khối (Blockchain) vào hoạt động nghiệp vụ. Kết quả

thử nghiệm sẽ là cơ sở để Kho bạc Nhà nước đề ra lộ trình tiếp tục nghiên cứu ứng dụng cho giai đoạn tiếp theo.

Đồng thời, Kho bạc Nhà nước sẽ phối hợp với một số đối tác công nghệ nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào hoạt động nghiệp vụ như tư vấn, trả lời chính sách, pháp luật trong lĩnh vực kho bạc; lĩnh vực hỗ trợ, vận hành; lĩnh vực quản lý rủi ro.

Để thực hiện thành công kế hoạch đã đặt ra, Kho bạc Nhà nước đang tiếp tục yêu cầu các đơn vị Kho bạc Nhà nước trực thuộc xác định rõ nội dung, yêu cầu, tiến độ thực hiện và trách nhiệm thực hiện đối với từng nhiệm vụ; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu đối với việc tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính; tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính tại các đơn vị.

### **6 nhóm nhiệm vụ trong chuyển đổi số của Kho bạc Nhà nước**

Tại Quyết định số 6219/QĐ-KBNN ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước về việc phân công thực hiện các nhiệm vụ, đề án triển khai Chương trình hành động của Bộ Tài chính thực hiện Chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2030, Kho bạc Nhà nước đã đề ra 6 nhóm nhiệm vụ cụ thể từ nay đến năm 2030 đó là: Cải cách, hiện đại hóa các chức năng quản lý quỹ ngân sách nhà nước và các quỹ tài chính nhà nước, quản lý ngân quỹ nhà nước, huy động vốn và tổng kế toán nhà nước; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, từng bước hình thành kho bạc số; sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực; chuyển đổi phương thức quản lý và cung cấp dịch vụ kho bạc; hiện đại hóa công tác thanh tra - kiểm tra; triển khai kiểm toán nội bộ và các nhiệm vụ khác.

Hiện nay, Kho bạc Nhà nước đang ở giai đoạn đầu của công cuộc chuyển đổi số. Hệ thống Kho bạc Nhà nước đã và đang triển khai các nhiệm vụ, đề án theo từng giai đoạn gắn với 6 nhóm nhiệm vụ này như: Định danh từng khoản thu ngân sách nhà nước; mở rộng sự tham gia của các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; đổi mới cơ chế quản lý cam kết chi ngân sách nhà nước; số hóa công tác kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, thực hiện chia sẻ và liên thông dữ liệu số trong toàn bộ quá trình quản lý chi ngân sách nhà nước; phân cấp kiểm soát chi ngân sách nhà nước theo mức độ rủi ro; đẩy mạnh ứng dụng các hình thức, phương thức thanh toán điện tử trong chi trả ngân sách nhà nước cho các đối tượng thụ hưởng, đặc biệt là các phương thức áp dụng đối với các đối tượng thụ hưởng ở vùng sâu, vùng xa hoặc không có tài khoản ngân hàng; hoàn thiện mô hình thanh toán tập trung của Kho bạc Nhà nước; hoàn thiện quy trình tổng hợp, lập và trình báo cáo tài chính nhà nước; hoàn thiện cơ chế, quy trình tổng hợp, lập và trình báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước...

*Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn*

## BỘ NỘI VỤ: ĐỀ XUẤT BỔ SUNG CHÍNH SÁCH VỚI ĐỐI TƯỢNG TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ

**\* Bộ Nội vụ đề xuất bổ sung chính sách với đối tượng tình giản biên chế do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.**

Bộ Nội vụ đã có hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị định quy định về tình giản biên chế để thay thế Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Trong đó, Bộ Nội vụ đề xuất bổ sung chính sách đối với đối tượng tình giản biên chế dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp (Điều 11).

Chính sách này nhằm khuyến khích, hỗ trợ một cách thỏa đáng đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính tự nguyện tình giản biên chế ngay.

Theo Bộ Nội vụ, đối tượng tình giản biên chế là cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính nghỉ từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp, ngoài hưởng một trong các chính sách quy định tại Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 9 Nghị định này thì được hưởng thêm mức trợ cấp như sau:

Nếu nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền, cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng.

Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

Nếu nghỉ từ 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp, cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức trợ cấp bằng 1/2 mức trợ cấp quy định nêu trên.

Đối tượng tình giản biên chế là người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, thôn, tổ dân phố nghỉ trong thời gian 06 tháng kể khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp như sau:

Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố giữ các chức danh bầu cử thì cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ được hưởng trợ cấp bằng mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng. Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố giữ các chức danh không do bầu cử thì cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được hưởng trợ cấp bằng mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng. Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

Theo các phương án dự kiến tiến hành sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tại Đề án sắp xếp đơn vị hành chính các cấp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2023 thì dự kiến số cán bộ, công chức cấp xã dôi dư là 48.951 người và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư là 27.972 người.

Theo tính toán của Bộ Nội vụ, nếu thực hiện chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì dự kiến nguồn kinh phí để chi trả trợ cấp đối với các đối tượng cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư nghỉ ngay (nghỉ trước 60 tháng so với lộ trình sắp xếp) là 9.732 tỷ đồng.

Tuy nhiên, nếu không bổ sung chính sách này thì Nhà nước vẫn phải chi trả tiền lương đối với số cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư nêu trên với số tiền dự kiến là 19.464 tỷ đồng (gấp đôi số nguồn kinh phí dự kiến chi trả trợ cấp cho các đối tượng dôi dư đó nếu họ nghỉ ngay) và các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (phần Nhà nước đóng) cho các đối tượng đó.

Như vậy, nếu thực hiện chính sách này thì ngân sách nhà nước sẽ phải chi trả ít hơn 9.732 tỷ đồng so với việc chi trả tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của đối tượng dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.

**\* Bộ Nội vụ đề xuất bổ sung 06 trường hợp tinh giản biên chế, không áp dụng tinh giản biên chế.**

Theo Bộ Nội vụ, về các trường hợp tinh giản biên chế, kế thừa quy định về các trường hợp tinh giản biên chế quy định tại 03 Nghị định nêu trên.

So với quy định hiện hành, dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung các trường hợp tinh giản biên chế:

Thứ nhất, Bổ sung trường hợp cán bộ, công chức, viên chức trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện tinh giản biên chế được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở xuống, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

Thứ hai, Bổ sung trường hợp cán bộ, công chức, viên chức trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

Thứ ba, đối với trường hợp cán bộ chưa đạt trình độ đào tạo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, Dự thảo đề nghị đối với cán bộ thì trong nhiệm kỳ bầu cử, phê chuẩn, bổ nhiệm giữ chức danh lãnh đạo nếu không đạt chuẩn trình độ đào tạo ở vị trí hiện đảm nhiệm, cá nhân có nhu cầu tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đồng ý; đồng thời, cơ quan, tổ chức có phương án bổ sung thay thế người có trình độ đạt chuẩn nhằm cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ.

Thứ tư, bổ sung trường hợp cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ, chức danh do không đủ điều kiện tái cử, tái bổ nhiệm, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

Thứ năm, bổ sung trường hợp trong thời gian bị kỷ luật cán bộ chưa đến mức bị bãi nhiệm, công chức, viên chức chưa đến mức bị buộc thôi việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cá nhân có kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo quy định đạt dưới 50% hoặc trong thời gian bị kỷ luật cán bộ chưa đến mức bị bãi nhiệm, công chức, viên chức chưa đến mức bị buộc thôi việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý để nhằm thể chế hóa chủ trương của Bộ Chính trị tại Thông báo số 20-KL/TW.

Thứ sáu, bổ sung người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ trong thời gian 06 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền.

Dự thảo Nghị định cũng bổ sung quy định không áp dụng tinh giản biên chế đối với những người đang trong thời bị kiến nghị xử lý kỷ luật theo kết luận thanh tra, giải quyết tố cáo hoặc trong thời gian thuộc đối tượng thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

Bên cạnh đó là những người đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

**\* Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.**

Theo dự thảo, nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở trong năm 2023 của các bộ, cơ quan Trung ương gồm: Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2023 (nếu có). Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2023. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%. Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các

khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2023 tăng thêm so với dự toán năm 2022 được cấp có thẩm quyền giao.

Nguồn kinh phí thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bao gồm:

Thứ nhất, sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao,

Thứ hai, sử dụng nguồn 70% tăng thu ngân sách địa phương năm 2022 thực hiện so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao (không kể tăng thu từ các khoản thu sau: thu tiền sử dụng đất; xổ số kiến thiết; thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước).

Thứ ba, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2022 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

Thứ tư, sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2023; riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35%.

Ngân sách trung ương hỗ trợ nhu cầu điều chỉnh tiền lương tăng thêm cho các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương ngân sách khó khăn sau khi đã cân đối nguồn điều chỉnh tiền lương mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương theo chế độ quy định.

**\* Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính.**

Theo dự thảo, đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính từ Trung ương đến địa phương, gồm:

Thứ nhất, cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Bộ Tài chính, gồm: a) Vụ, Cục và tương đương thuộc Bộ Tài chính (gọi là cấp Trung ương); Vụ, Cục và tương đương thuộc Cơ quan các Tổng cục, gồm: Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Kho bạc Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (gọi chung là cấp Tổng cục); b) Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cục Dự trữ Nhà nước khu vực; Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp Cục); c) Chi cục Thuế quận, huyện, thị xã, thành phố, Chi cục Thuế khu vực trực thuộc Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chi cục Hải quan trực thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chi cục Dự trữ Nhà nước trực

thuộc Cục Dự trữ Nhà nước khu vực; Kho bạc Nhà nước huyện trực thuộc Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp chi cục).

Thứ hai, Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp tỉnh).

Thứ ba, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là cấp huyện).

Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính được xác định trên cơ sở nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức. Căn cứ xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

Danh mục 104 vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong các cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính gồm các vị trí việc làm như: Chuyên viên cao cấp về quản lý tài chính, ngân sách; Chuyên viên chính về quản lý tài chính, ngân sách; Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách. Chuyên viên cao cấp về quản lý tài sản công; Chuyên viên chính về quản lý tài sản công; Chuyên viên về quản lý tài sản công. Chuyên viên cao cấp về quản lý giá; Chuyên viên chính về quản lý giá; Chuyên viên về quản lý giá. Chuyên viên cao cấp về kế toán; Chuyên viên chính về kế toán; Chuyên viên về kế toán. Chuyên viên cao cấp về quản lý thuế; Chuyên viên chính về quản lý thuế; Chuyên viên về quản lý thuế. Kiểm tra viên cao cấp về giám sát quản lý hải quan; Kiểm tra viên chính về giám sát quản lý hải quan; Kiểm tra viên về giám sát quản lý hải quan. Chuyên viên cao cấp về giám sát thị trường chứng khoán; Chuyên viên chính về giám sát thị trường chứng khoán; Chuyên viên về giám sát thị trường chứng khoán...

**\* Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân vào dự thảo Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành thống kê.**

Theo dự thảo, đối tượng áp dụng của Thông tư là công chức chuyên ngành thống kê trong hệ thống tổ chức thống kê nhà nước quy định tại Điều 61, Điều 63 Luật Thống kê, cụ thể: Công chức chuyên ngành thống kê tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; công chức chuyên ngành thống kê tại các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước.

Dự thảo quy định có 05 chức danh công chức chuyên ngành thống kê: Thống kê viên cao cấp; Thống kê viên chính; Thống kê viên; Thống kê viên cao đẳng; Thống kê viên trung cấp) tương ứng với 05 mã số ngạch (23.261; 23.262; 23.263; 23.264; 23.265).

Dự thảo nêu rõ, việc bổ nhiệm và xếp lương vào các ngạch công chức chuyên ngành thống kê quy định tại Thông tư này phải căn cứ vào vị trí việc làm, chức trách, nhiệm vụ và nghiệp vụ chuyên môn đảm nhận của công chức. Khi bổ nhiệm vào các ngạch công chức chuyên ngành thống kê tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc nâng ngạch công chức.



Các ngành công chức chuyên ngành thống kê quy định tại Thông tư này áp dụng Bảng 2 (Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước) ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, như sau: a) Ngành Thống kê viên cao cấp (mã số 23.261) áp dụng bảng lương công chức loại A3, nhóm 1 (A3.1), từ hệ số lương 6,20 đến hệ số lương 8,00; b) Ngành Thống kê viên chính (mã số 23.262) áp dụng bảng lương công chức loại A2, nhóm 1 (A2.1), từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78; c) Ngành Thống kê viên (mã số 23.263) áp dụng bảng lương công chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98; d) Ngành Thống kê viên cao đẳng (mã số 23.264) áp dụng bảng lương công chức loại A0, từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89; đ) Ngành Thống kê viên trung cấp (mã số 23.265) áp dụng bảng lương công chức loại B, từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06.

**\* Bộ Y tế đang dự thảo Thông tư hướng dẫn triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.**

Theo dự thảo, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoàn thành chuyển đổi số khi đáp ứng đầy đủ 9 khung yêu cầu sau: 1. Khung yêu cầu về nhận thức số: Bảo đảm bộ máy về chuyển đổi số của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; bảo đảm việc chuyển đổi số xuyên suốt trong các hoạt động của đơn vị; bảo đảm công tác truyền thông về chuyển đổi số. 2. Khung yêu cầu về thể chế số: Ban hành nghị quyết, văn bản chỉ đạo về chuyển đổi số và có kế hoạch triển khai thực hiện; ban hành kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm về chuyển đổi số và đảm bảo công tác triển khai thực hiện; bảo đảm tuân thủ Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Y tế; bảo đảm công tác tập huấn, đào tạo về chuyển đổi số; bảo đảm cơ chế thúc đẩy triển khai chuyển đổi số. 3. Khung yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin: Bảo đảm máy tính và trang thiết bị công nghệ thông tin; bảo đảm mạng nội bộ, internet; bảo đảm máy chủ chuyên dụng; bảo đảm thiết bị, hệ thống lưu trữ. 4. Khung yêu cầu về bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng: Bảo đảm các bộ quy tắc an toàn thông tin theo quy định; bảo đảm an toàn thông tin nội bộ; bảo đảm an toàn thông tin trên môi trường mạng; bảo đảm an toàn thông tin khi giao tiếp giữa các hệ thống; bảo đảm an toàn thông tin các ứng dụng; bảo đảm an toàn thông tin cơ sở dữ liệu; bảo đảm về phòng chống các sự cố theo cấp độ an toàn thông tin. 5. Khung yêu cầu về nhân lực công nghệ thông tin: Bảo đảm số lượng nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin; bảo đảm trình độ nhân lực công nghệ thông tin. 6. Khung yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin: Bảo đảm các ứng dụng quản lý điều hành; bảo đảm các ứng dụng quản lý khám bệnh, chữa bệnh; bảo đảm ứng dụng quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; bảo đảm ứng dụng hoạt động y tế từ xa; bảo đảm ứng dụng về thanh toán viện phí không sử dụng tiền mặt; bảo đảm ứng dụng về bệnh án điện tử; bảo đảm các ứng dụng về khai thác cơ sở dữ liệu. 7. Khung yêu cầu về kho dữ liệu: Bảo đảm cơ sở dữ liệu về khám bệnh, chữa bệnh; bảo đảm cơ sở dữ liệu bệnh án điện tử; bảo đảm cơ sở dữ liệu về hồ sơ sức khỏe điện tử; bảo đảm cơ sở dữ liệu nhân lực y tế; bảo đảm cơ sở dữ liệu về thuốc; bảo đảm cơ sở dữ liệu về vật tư và trang thiết bị y tế; bảo đảm cơ sở dữ liệu về quản lý tài chính. 8. Khung yêu cầu về quản lý tài sản là mã nguồn phần mềm và dữ liệu hình thành thông qua hoạt động của các hệ thống thông tin (tài sản số): Bảo

đảm các quy định về quản lý tài sản số, mã nguồn ứng dụng công nghệ thông tin; bảo đảm ứng dụng quản lý về quản lý tài sản số, mã nguồn ứng dụng công nghệ thông tin. 9. Khung yêu cầu về liên thông, kết nối dữ liệu: Bảo đảm liên thông, kết nối dữ liệu các hệ thống nội bộ; bảo đảm liên thông, kết nối dữ liệu với hệ thống bên ngoài; bảo đảm đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin và tiêu chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin y tế.

Dự thảo nêu rõ, lộ trình hoàn thành chuyển đổi số tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ ngày 01/01/2027 đối với các bệnh viện nòng cốt đề nghị cấp giấy phép hoạt động từ ngày 01/01/2027. Đối với các bệnh viện được cấp giấy phép hoạt động trước ngày 01/01/2027, hoàn thành chuyển đổi số chậm nhất từ ngày 01/01/2029.

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh căn cứ vào nhu cầu, năng lực thực tế có thể hoàn thành trước lộ trình trên.

**\* Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, căn cứ Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, từ ngày 01/7/2023, tăng mức chuẩn trợ cấp người có công bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn hộ nghèo khu vực thành thị.

Theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/1/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 thì mức chuẩn hộ nghèo khu vực thành thị là 2.000.000 đồng/người/tháng. Trên cơ sở đó, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất 2 phương án điều chỉnh mức chuẩn trợ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng như sau:

Phương án 1: Điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng từ 1.624.000 đồng lên thành 2.055.000 đồng (cao hơn mức chuẩn nghèo thành thị 55.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 26,54%).

Phương án 2: Điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng từ 1.624.000 đồng lên thành 2.111.000 đồng (cao hơn mức chuẩn nghèo thành thị 111.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 29,99%).

Trên cơ sở mức chuẩn được quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung, các mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng, hằng năm, một lần được điều chỉnh tăng theo mức chuẩn và được thực hiện kể từ ngày 01/7/2023. Riêng đối với mức chi chế độ điều dưỡng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất thời điểm điều chỉnh tăng theo mức chuẩn kể từ ngày 01/01/2024 để đảm bảo các đối tượng hưởng chế độ điều dưỡng trong năm 2023 được thực hiện thống nhất cùng một mức chi tính theo mức chuẩn quy định tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, với mức chuẩn hiện hành quy định tại Nghị định số 75/2021/NĐ-CP là 1.624.000 đồng thì kinh phí thực hiện trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng năm 2023 là 29.495 tỷ đồng.

Theo phương án 1, nếu nâng mức chuẩn lên 2.055.000 đồng thì kinh phí thực hiện trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng năm 2023 là 32.223 tỷ đồng, tăng thêm 2.728 tỷ đồng.

Theo phương án 2, nếu nâng mức chuẩn lên 2.111.000 đồng thì kinh phí thực hiện trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng năm 2023 là 32.663 tỷ đồng, tăng thêm 3.168 tỷ đồng và cao hơn 440 tỷ đồng so với Phương án 1.

**\* Tại dự thảo Nghị định điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất 8 nhóm đối tượng được tăng lương hưu, trợ cấp năm 2023.**

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, về cơ bản đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định kế thừa quy định của Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 7/12/2021 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

Ngoài ra, dự thảo Nghị định bổ sung, điều chỉnh một số đối tượng so với Nghị định 108/2021/NĐ-CP, cụ thể: Điều chỉnh đối tượng là người hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng từ trước ngày 01/01/1995 sau khi thực hiện điều chỉnh theo mức chung mà có lương hưu, trợ cấp dưới 3.000.000 đồng/tháng (điều chỉnh tăng từ 2.500.000 đồng/tháng lên thành 3.000.000 đồng/tháng).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cho biết, từ thực tiễn thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng từ trước ngày 01/01/1995 cho thấy, mức lương hưu, trợ cấp hằng tháng đã được xác định dựa trên thời gian công tác thực tế và mức tiền lương tháng trước khi nghỉ việc của người lao động, tuy nhiên với đặc thù của chính sách tiền lương giai đoạn trước năm 1995, cùng với các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội tại thời điểm đó nên phần lớn người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc theo chế độ mất sức lao động với thời gian làm việc ngắn và mức tiền lương trước khi nghỉ việc thấp, từ đó ảnh hưởng đến mặt bằng chung về mức hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng của nhóm đối tượng này.

Bên cạnh đó, một số nhóm đối tượng đã dừng hưởng theo quy định sau đó được nhà nước ban hành chính sách cho tiếp tục hưởng trợ cấp hằng tháng từ nguồn ngân sách nhà nước nên mức hưởng khá thấp so với mặt bằng chung (mức trợ cấp bảo hiểm xã hội hằng tháng của người đang hưởng trợ cấp theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg và Quyết định số 613/QĐ-TTg là khoảng 1.443.633 đồng/người/tháng).

Thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội "quan tâm điều chỉnh thỏa đáng đối với nhóm đối tượng có mức lương hưu thấp và nghỉ hưu trước năm 1995 nhằm thu hẹp khoảng cách chênh lệch lương hưu giữa người nghỉ hưu ở các thời kỳ" và Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội "hỗ trợ thêm đối với người nghỉ hưu trước năm 1995 có mức hưởng thấp", Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất điều chỉnh đối tượng điều chỉnh đối với người nghỉ hưu từ trước ngày 01/01/1995 sau khi thực hiện điều chỉnh theo quy định chung mà có mức hưởng dưới 3 triệu đồng/người/tháng.

Việc xác định mức 3.000.000 đồng/người/tháng để làm căn cứ điều chỉnh được tính toán dựa trên mức 2.500.000 đồng/người/tháng quy định tại Nghị định số 108/2021/NĐ-CP và thực hiện việc điều chỉnh tăng 20,8% theo mức tăng của mức lương cơ sở và các chính sách an sinh xã hội đang gắn với lương cơ sở theo Nghị quyết số 69/2022/QH15.

Về việc bổ sung đối tượng là người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng và trợ cấp tuất hằng tháng trước ngày 01/01/1995, đây là nhóm đối tượng không được điều chỉnh theo quy định tại Nghị định số 108/2021/NĐ-CP, đồng thời để đảm bảo tương quan với người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng và trợ cấp tuất hằng tháng từ ngày 01/01/1995 trở đi do theo quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội thì mức hưởng của các đối tượng này được xác định dựa trên mức lương cơ sở tại thời điểm hưởng và được điều chỉnh khi Chính phủ thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở.

Tại dự thảo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất điều chỉnh mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng đối với các đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng trước ngày 01/7/2023, bao gồm:

Một là, cán bộ, công chức, công nhân, viên chức và người lao động (kể cả người có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người nghỉ hưu từ quỹ bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An chuyển sang theo Quyết định số 41/2009/QĐ-TTg ngày 16/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển bảo hiểm xã hội nông dân Nghệ An sang bảo hiểm xã hội tự nguyện); quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu đang hưởng lương hưu hằng tháng.

Hai là, cán bộ xã, phường, thị trấn quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23/01/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/CP ngày 26/7/1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng.

Ba là, người đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng theo quy định của pháp luật; người đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 91/2000/QĐ-TTg ngày 04/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp cho những người đã hết tuổi lao động tại thời điểm ngừng hưởng trợ cấp mất sức lao động hằng tháng, Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc trợ cấp hằng tháng cho những người có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác thực tế đã hết thời hạn hưởng trợ cấp mất sức lao động; công nhân cao su đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 206-CP ngày 30/5/1979 của Hội đồng Chính phủ về chính sách đối với công nhân mới giải phóng làm nghề nặng nhọc, có hại sức khỏe nay già yếu phải thôi việc.

Bốn là, cán bộ xã, phường, thị trấn đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 130-CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ bổ sung chính sách, chế độ đãi ngộ đối với

cán bộ xã và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số chính sách, chế độ đối với cán bộ xã, phường.

Năm là, quân nhân đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Sáu là, công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương.

Bảy là, quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

Tám là, người đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng, trợ cấp tuất hằng tháng trước ngày 01/01/1995.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## HÀ NỘI: TIẾP TỤC ĐO LƯỜNG SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI CƠ QUAN HÀNH CHÍNH

Đó là 1 trong 6 nội dung nêu trong Kế hoạch số 135/KH-UBND của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về khắc phục tồn tại, hạn chế được chỉ ra sau Hội nghị kiểm điểm năm 2022 về kỷ cương hành chính, cải cách thủ tục hành chính và công tác thanh tra, kiểm tra công vụ trong năm 2023.

Theo đó, TP. Hà Nội sẽ quán triệt nâng cao nhận thức và thực hiện có trách nhiệm, nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Trung ương, thành phố về kỷ luật, kỷ cương hành chính. Tiếp tục triển khai trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện Quy tắc ứng xử nơi công cộng và Quy tắc ứng xử trong cơ quan, đơn vị hành chính trên địa bàn TP. Hà Nội.

TP. Hà Nội sẽ xây dựng, rà soát, sửa đổi nội quy, quy chế, quy trình làm việc, quy trình giải quyết công việc nội bộ, cụ thể hóa trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm cấp dưới chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên.

Cùng với đó, tập trung đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin cho cấp xã, đặc biệt là bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp của các cơ quan hành chính TP. Hà Nội. Thường xuyên rà soát, đề nghị bổ sung, sửa đổi các thủ tục hành chính để phù hợp với quy định mới; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; giải quyết thủ tục hành chính đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đúng hẹn, minh bạch, không để sai sót. Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân về các quy định hành chính nghiêm túc, khách quan, kịp thời và đúng quy định.

TP. Hà Nội cũng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính, chú trọng kiểm tra đột xuất, tái kiểm tra việc khắc phục tồn tại được chỉ ra từ đợt kiểm tra trước đây. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cấp, các ngành; xử lý kịp thời, nghiêm minh đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật và trách nhiệm thực thi công vụ, gây khó khăn, phiền hà cho cá nhân, tổ chức.

Tiếp tục đổi mới công tác theo dõi, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả công việc cụ thể, có cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp; điều chỉnh vị trí việc làm, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

Đáng chú ý, TP. Hà Nội sẽ tiếp tục triển khai đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp, coi đây là một trong những thước đo quan trọng đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố.

*Nguồn: hanoimoi.com.vn*

## ĐÀ NẴNG: HỖ TRỢ, TẠO MÔI TRƯỜNG THUẬN LỢI CHO DOANH NGHIỆP

Công tác cải cách hành chính, thực hiện các chính sách hỗ trợ đang được các sở, ban, ngành thành phố tích cực triển khai, nhằm góp phần thực hiện thành công chủ đề năm 2023 là 'Năm tập trung khơi thông các nguồn lực, thu hút đầu tư, giữ vững tăng trưởng kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội'.

### **Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp**

Để thực hiện có hiệu quả chủ đề của năm, chính quyền thành phố đặt ra nhiều nội dung công việc như tiếp tục thực hiện có hiệu quả 15 chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn thành phố do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng ban hành, bên cạnh đó nhanh chóng triển khai các chính sách mới ban hành từ cuối năm 2022 đến nay.

Cụ thể, Nghị quyết số 84/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân TP. Đà Nẵng về quy định chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức vay vốn để đầu tư các dự án phát triển kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng về triển khai đề án “Thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài đến năm 2030”; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 20/02/2023 của Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Đà Nẵng năm 2023...

Theo đó, Nghị quyết số 84/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân TP. Đà Nẵng quy định mức hỗ trợ 3% lãi suất vay đầu tư dự án hằng năm trong vòng 5 năm tại các tổ chức tín dụng, đồng thời mở rộng từ 3 nhóm lĩnh vực lên 5 nhóm lĩnh vực được tiếp cận nghị quyết gồm công nghệ thông tin; công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, sản xuất vật liệu; nông nghiệp; năng lượng, bảo vệ môi trường, xây dựng kết cấu hạ tầng; nhóm lĩnh vực y tế, giáo dục và khác.

Bên cạnh đó, các dự án được hỗ trợ lãi suất có tính đến yếu tố khu vực thực hiện dự án tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn, cụ thể là dự án có tổng vốn đầu tư từ 3 tỷ đồng trở lên trên địa bàn huyện Hòa Vang; dự án có tổng vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở lên đối với các khu vực khác.

Xác định vai trò của cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phát triển kinh tế thành phố, Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 20/02/2023 của Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng dự toán dành kinh phí 19 tỷ đồng để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong năm 2023, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa gần 16 tỷ đồng.

Cụ thể, hỗ trợ công nghệ 9,8 tỷ đồng; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo 3,39 tỷ đồng; hỗ trợ phát triển nhân lực 700 triệu đồng; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị 4,6 tỷ đồng; quản lý hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 476 triệu đồng... Cùng với các giải pháp để phấn đấu nâng số doanh nghiệp đăng ký mới trong năm 2023 đạt 4.000 doanh nghiệp; số doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh đạt 50 doanh nghiệp.

## Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi

Ngay những tháng đầu năm 2023, sau khi động viên doanh nghiệp ra quân sản xuất, lãnh đạo thành phố tổ chức chương trình “Gặp mặt doanh nghiệp Xuân Quý Mão” nhằm động viên, lắng nghe và chỉ đạo các ngành, địa phương tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn để doanh nghiệp phát triển. Gần đây nhất, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng ban hành Văn bản số 1511/UBND-KSTT ngày 31/3/2023 triển khai Công văn số 165/TTg-KSTT của Thủ tướng Chính phủ về việc cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh, phân cấp giải quyết thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Theo đó, Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng yêu cầu lãnh đạo các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo, kiểm tra và xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức có hành vi những nhiều, tiêu cực trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp; nghiêm cấm việc đùn đẩy, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh của thành phố.

Chánh văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư Trần Văn Hoàng cho biết, Trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư đẩy mạnh tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trực tuyến về các vướng mắc trong thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư, dự án đầu tư. Hằng tháng, Trung tâm tư vấn, hỗ trợ cho khoảng 2.000 lượt doanh nghiệp về các thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, dự án đầu tư.

Bên cạnh đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tập trung triển khai Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 20/02/2023 của Ủy ban nhân dân TP. Đà Nẵng về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố năm 2023, dự kiến tổ chức 3 lớp đào tạo cho doanh nghiệp về khởi sự kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, đồng thời phối hợp các đơn vị liên quan để thúc đẩy hình thành liên kết giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa

Kỳ vọng về các chính sách hỗ trợ của địa phương, Chủ tịch Hiệp hội Nữ doanh nhân Đà Nẵng Lê Thị Nam Phương mong muốn, lãnh đạo thành phố chỉ đạo hỗ trợ để đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố, đặc biệt là đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng để thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp công nghệ cao và thương mại dịch vụ.

Trong khi đó, Chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Lê Trí Hải đề xuất, bên cạnh việc sớm triển khai các chủ trương, chính sách, lãnh đạo TP. Đà Nẵng cần có thêm những buổi gặp gỡ, thảo luận thường xuyên với đại diện các hiệp hội để tiếp thu và ghi nhận ý kiến góp ý từ cộng đồng doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn. Các sở, ban, ngành cần tiếp tục triển khai các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu... phù hợp bối cảnh hiện nay.

*Nguồn: baodanang.vn*



## HÒA BÌNH: TIẾP TỤC DUY TRÌ VÀ NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2023

Chiều ngày 04/5, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình tổ chức họp Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của tỉnh (Ban Chỉ đạo). Nội dung nhằm đánh giá kết quả Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2022 của tỉnh Hòa Bình; đề ra các giải pháp chấn chỉnh, khắc phục để cải thiện Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2023 và những năm tiếp theo.

Theo đánh giá của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Hòa Bình, nhìn tổng thể về Chỉ số cải cách hành chính từ năm 2016 - 2022 cho thấy, Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh luôn tăng về điểm số, trong 7 năm đã tăng 14,18%. Năm 2022, là năm tỉnh Hòa Bình được xếp ở vị trí cao nhất từ trước đến nay, đạt 86,30%, tăng 2 bậc so với năm 2021; tăng 30 bậc so với năm 2020. Các tiêu chí, lĩnh vực chưa đạt được hoặc đạt được ở mức thấp trong cải cách hành chính năm 2021 tiếp tục được cải thiện trong năm 2022. Nhiều lĩnh vực có sự cải thiện đáng kể về chỉ số, đó là: Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; các tiêu chí về phát triển kinh tế - xã hội.

Bên cạnh ưu điểm, Chỉ số cải cách hành chính năm 2022 của tỉnh vẫn còn những mặt hạn chế như: Chưa có nhiều giải pháp, sáng kiến có tính mới, tính hiệu quả để góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội; nhiệm vụ về công khai, cập nhật thủ tục hành chính chưa đạt yêu cầu, không công khai, cập nhật đầy đủ, kịp thời thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công của tỉnh Hòa Bình và Trang thông tin điện tử của sở, ngành, địa phương không chủ động rà soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, dẫn tới còn công khai văn bản hết hiệu lực trên Cổng dịch vụ công tỉnh; việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiếp nhận vẫn còn chậm, muộn, quá hạn... Về Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh, tổng hợp năm 2022, tỉnh Hòa Bình đạt 41,03 điểm, giảm 2,44 điểm, giảm 24 bậc so với năm 2021, nằm trong nhóm đạt điểm trung bình thấp...

Tại Hội nghị, các đại biểu đã tập trung thảo luận, phân tích những nguyên nhân chủ yếu về kết quả đạt được và những mặt còn hạn chế, đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để duy trì, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính năm 2023. Trong đó, các đại biểu đã tập trung thảo luận các chỉ số đạt mức độ thấp và trung bình thấp.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình Bùi Văn Khánh biểu dương những kết quả công tác cải cách hành chính năm 2022. Đối với những tồn tại, vướng mắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung triển khai các giải pháp khắc phục. Tăng trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện các nội dung cải cách hành chính. Đối với những kiến nghị của các đại biểu, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ tổng hợp thành kết luận, đề xuất giải quyết theo thẩm quyền theo quy định. Trong đó, tập trung giải quyết nội dung hạn chế về

luân chuyên cán bộ. Các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh Hòa Bình, ngành chức năng, các huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn tăng cường trách nhiệm, phối hợp, tham mưu cho tỉnh các nhiệm vụ cải cách hành chính được phân công, góp phần chấn chỉnh, khắc phục để cải thiện Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh năm 2023 và những năm tiếp theo.

*Nguồn: baohoabinh.com.vn*

## HÀ GIANG: KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỶ LỆ CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ CHIẾM 99,8%

Trong những năm gần đây, Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang không ngừng đổi mới phương thức hoạt động, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, gắn với chiến lược phát triển Kho bạc Nhà nước đến năm 2030.

Đặc biệt, đơn vị đã tham mưu đặc lực cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong quản lý quỹ ngân sách nhà nước, nhất là công tác giải ngân các khoản chi, vốn đầu tư công. Trong quý I vừa qua, đơn vị đã tăng cường kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước đảm bảo trong phạm vi dự toán, kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng nội dung, mục đích, tiêu chuẩn, định mức quy định.

Để tạo thuận lợi cho các đối tượng nộp thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đã mở tài khoản chuyên thu tại các ngân hàng thương mại, tạo điều kiện tối đa cho người dân, doanh nghiệp nộp thuế, phí, lệ phí. Theo đó, kết quả thu ngân sách nhà nước trong Quý I tại đơn vị đạt 355 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 329,3 tỷ đồng, thu hải quan 50,2 tỷ đồng, đồng thời Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đã thực hiện kiểm soát chi ngân sách nhà nước cả chi đầu tư và chi thường xuyên 3.264 tỷ đồng...

Tính đến đầu tháng 4 vừa qua, tỷ lệ chứng từ điện tử tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang chiếm 99,8% lượng chứng từ gửi đến kho bạc. Số chứng từ thanh toán, tạm ứng của các đơn vị sử dụng ngân sách gửi đến Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đạt trên 73.000 chứng từ.

Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, kích cầu đầu tư, đưa nguồn vốn vào sản xuất, kinh doanh, Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đã chỉ đạo các đơn vị Kho bạc Nhà nước trực thuộc thường xuyên theo dõi, cập nhật các chủ trương, chính sách, văn bản, chế độ mới liên quan đến thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 để thực hiện công tác kiểm soát chi, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo các giao dịch luôn được thực hiện thông suốt, không bị ách tắc, gián đoạn.

Trong lĩnh vực giải ngân vốn đầu tư công, Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đã thường xuyên phối hợp tốt với các đơn vị dự toán, chủ đầu tư, ban quản lý dự án để kịp thời nắm bắt các vướng mắc trong quá trình giải ngân, tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Đồng thời, đã đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý dự án thực hiện thu hồi tạm ứng đối với các dự án đã có khối lượng hoàn thành; các dự án chậm tiến độ, hoặc sử dụng không đúng mục đích và đã chủ động phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện hoàn trả số dư tạm ứng về ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đã tham mưu đặc lực cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong quản lý quỹ ngân sách nhà nước, nhất là công tác giải ngân các khoản chi, vốn đầu tư công. Trong quý I vừa qua, đơn vị đã tăng cường kiểm soát chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước đảm bảo trong phạm vi dự toán, kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bên cạnh đó, Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang còn tích cực triển khai dịch vụ công trực tuyến, đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin hiện đại, phấn đấu đến năm 2030 cùng với hệ thống Kho bạc Nhà nước hình thành kho bạc số.

Cũng theo thông tin từ Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang, từ năm 2021 đến nay, 100% các đơn vị sử dụng ngân sách trên địa bàn tham gia giao dịch với đơn vị thông qua Cổng dịch vụ công trực tuyến. Theo đó, việc thực hiện gửi chứng từ của các đơn vị sử dụng ngân sách đến Kho bạc Nhà nước luôn thông suốt, nhanh, chính xác và ít sai sót. Công chức hệ thống Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang kiểm soát các khoản chi qua dịch vụ công trực tuyến hiệu quả và kịp thời, đáp ứng nhu cầu chi tiêu của đơn vị.

Với các giải pháp đã thực hiện, tính đến đầu tháng 4 vừa qua, tỷ lệ chứng từ điện tử tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang chiếm 99,8% lượng chứng từ gửi đến kho bạc. Số chứng từ thanh toán, tạm ứng của các đơn vị sử dụng ngân sách gửi đến Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đạt trên 73.000 chứng từ.

Đặc biệt, Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang đã rút ngắn thời gian kiểm soát chi đối với chi thường xuyên xuống 1 ngày làm việc, chi đầu tư từ 3 ngày xuống 2 ngày làm việc, thời gian kiểm soát được rút ngắn hơn so với quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công và Nghị định số 11/2020/NĐ-CP quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

*Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn*

## NGHỆ AN: TĂNG CƯỜNG KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH, CHẤM CHỈNH LỀ LỐI LÀM VIỆC

Thực hiện Công điện số 280/CĐ-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của các Bộ, cơ quan, địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An vừa ban hành văn bản yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã thực hiện tốt các công việc sau đây:

Thứ nhất, quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung tại Công điện nêu trên.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhiệm kỳ 2021 - 2026 và nhiệm vụ được giao tại các Công văn số 5958/UBND-TH ngày 05/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao chất lượng, tiến độ tham mưu giải quyết công việc; Công văn số 9390/UBND-TH ngày 25/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc chấn chỉnh công tác tham mưu văn bản; Công văn số 518/UBND-TH ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc tổng hợp nhật ký trong công tác tham mưu văn bản.

Thứ ba, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc, thái độ phục vụ và trách nhiệm trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị, trong đó tập trung một số nội dung sau: Thường xuyên kiểm tra hoạt động công vụ, nhất là kiểm tra đột xuất. Xử lý nghiêm cán bộ, công chức có thái độ không đúng mực, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không đáp ứng yêu cầu công việc, những nhieu, gây phiền hà, chậm trễ trong giải quyết công việc cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp. Đồng thời, kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị, cá nhân quyết liệt trong thi hành công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, dám nói, dám nghĩ, dám làm, chủ động, sáng tạo vì lợi ích chung.

Thứ tư, khẩn trương chỉ đạo và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc chuẩn bị các dự thảo Đề án, Báo cáo... trong Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An năm 2023, các dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng, đúng quy trình. Rà soát các nội dung tham mưu, đảm bảo đúng thẩm quyền phê duyệt; chủ động, phối hợp thực hiện hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị khi giải quyết công việc.

Thứ năm tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung quy trình phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công việc tại cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số. Tiếp tục cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính; rà soát, đơn giản hóa, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo chỉ tiêu đề ra. Nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Thứ sáu, giao Giám đốc Sở Nội vụ tiếp tục tập trung tham mưu công tác cải cách hành chính, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm, xem xét thi đua đối với các cơ quan, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

*Nguồn: baonghean.vn*

## HÀ TỈNH: SIẾT CHẶT KỶ CƯƠNG, NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Quán triệt và thực hiện nghiêm các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ, các cơ quan, đơn vị đã từng bước xây dựng kế hoạch, có cách làm cụ thể nhằm nâng cao trách nhiệm, hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Xác định thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ ở các cơ quan, đơn vị đóng góp quan trọng vào quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị chung của tỉnh, thời gian qua, tỉnh Hà Tĩnh luôn coi trọng nội dung này và đã ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể. Theo đó, ngày 22/7/2021, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh đã ban hành Kết luận số 29-KL/TU “Về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ”.

Tiếp tục nhấn mạnh nội dung này, ngày 16/02/2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Công văn số 1567-CV/TU về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ngoài giao nhiệm vụ cụ thể đối với các địa phương, đơn vị, tập thể, cá nhân, công văn yêu cầu người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm nếu cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Triển khai văn bản của tỉnh, các địa phương, đơn vị đã cụ thể hóa bằng các công văn, kế hoạch gắn với tình hình thực tiễn.

Tại TX. Kỳ Anh, để các nội dung đi vào trọng tâm, Thị ủy đã yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị và mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang, nhất là người đứng đầu nghiêm khắc chấn chỉnh những hạn chế, vi phạm trong thực thi đạo đức công vụ và siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Bí thư Thị ủy Kỳ Anh Đặng Văn Thành chia sẻ: “Trên thực tế, việc thực hiện quy định về đạo đức công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính đã được thị xã triển khai thực hiện từ nhiều năm qua và nay tiếp tục tăng cường với ý thức cao hơn để thực hiện nhiệm vụ tốt hơn nữa. Việc siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thực thi đạo đức công vụ được thị xã triển khai gắn chặt với đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc họp, hội nghị; tăng cường trách nhiệm trong phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị... Đồng thời, tập trung công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thanh tra công vụ; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính; chấn chỉnh, xử lý kịp thời và nghiêm minh đối với tổ chức, cá nhân vi phạm”.

Bên cạnh siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong cán bộ, công chức nói chung, với TX. Kỳ Anh, nội dung này càng được quán triệt nghiêm đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, cấp huyện làm việc tại bộ phận “một cửa”. Cán bộ, công chức, viên chức thị xã thực hiện nghiêm túc phương châm “5 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả), đồng thời, nâng cao hơn nữa chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, đem lại sự hài lòng cao nhất cho tổ chức và công dân trên địa bàn.

Bà Nguyễn Thị Xuân (xã Kỳ Phú) bày tỏ: “Những năm gần đây, việc giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa của xã được thực hiện khoa học, nhanh gọn. Chúng tôi rất hài lòng vì cán bộ niềm nở, chu đáo hướng dẫn khi người dân đến giao dịch”.

Cùng với địa phương, tại các cơ quan sở, ngành cấp tỉnh, nội dung này được thực hiện gắn với xây dựng công sở văn minh. Nhiều đơn vị như Bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Tĩnh, Cục

Hải quan, Sở Ngoại vụ, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hà Tĩnh... đã ban hành các văn bản và chỉ đạo triển khai quyết liệt nội dung này sát với đặc thù công việc.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, giải quyết công việc đúng thời hạn, đảm bảo chất lượng, Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh và các đơn vị trực thuộc đã rà soát bổ sung sửa đổi quy chế làm việc, cụ thể hóa trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; nêu cao vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện.

Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ và thanh tra, Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh Đào Xuân An cho biết: “Thực hiện văn bản chỉ đạo của Tổng Cục Hải quan và tỉnh Hà Tĩnh về chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, Cục Hải quan tỉnh Hà Tĩnh đã quán triệt nghiêm trong CBCC đơn vị; đồng thời tăng cường kiểm tra công vụ đột xuất. Riêng năm 2022, đơn vị đã kiểm tra đột xuất 7 cuộc tại các chi cục trực thuộc; qua đó, kịp thời nhắc nhở, đôn đốc, chấn chỉnh cán bộ, công chức thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở”.

Với Sở Nội vụ - cơ quan thường trực công tác cải cách hành chính của tỉnh Hà Tĩnh, đơn vị đang tổ chức thanh tra, kiểm tra công vụ, kiểm tra cải cách hành chính định kỳ và đột xuất tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh. Sở cũng tập trung đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương nâng cao chất lượng và đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức định kỳ theo quy định, hướng tới việc đánh giá, xếp loại đội ngũ này đi vào thực chất và có chế tài đối với cán bộ có hành vi những thiếu, gây phiền hà cho người dân, tổ chức.

Có thể thấy, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, thực thi đạo đức công vụ là yếu tố cốt lõi nhằm góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền. Thực hiện nghiêm túc nội dung này cũng góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

*Nguồn: baohatinh.vn*

## THỪA THIÊN - HUẾ: KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN NĂM 2023

Thực hiện hướng dẫn tại Công văn số 1284/BTTTT-CĐSQG ngày 12/4/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc nâng cao hiệu quả, tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đảm bảo dễ sử dụng, thân thiện với người dùng; Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế vừa ban hành Kế hoạch hành động số 164/KH-UBND ngày 28/4/2023 về nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh năm 2023.

Theo đó, tỉnh Thừa Thiên - Huế xác định mục đích ban hành Kế hoạch hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh năm 2023 là tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn tỉnh, quyết tâm thực hiện thành công các mục tiêu Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ đề ra; cụ thể hóa các mục

tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 17/QĐ-UBQGCDŞ ngày 04/4/2023 của Ủy ban Quốc gia chuyển đổi số. Xác định rõ các nhiệm vụ chủ yếu, các giải pháp cụ thể và thiết thực gắn với kế hoạch tổ chức theo lộ trình nhằm đạt được kết quả cao nhất; phân công, giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên - Huế và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và TP. Huế chủ trì các nội dung thực hiện, chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm hoàn thành mục tiêu đề ra.

Theo Kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế đã đề ra 05 nhóm chỉ tiêu, nhiệm vụ để phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp, cụ thể như:

100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình (nhiệm vụ này do Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên - Huế thực hiện trong tháng 7/2023).

Giao chỉ tiêu 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tuyên truyền, hướng dẫn người thân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, hạn chế nộp hồ sơ trực tiếp (nhiệm vụ này do các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên - Huế và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và TP. Huế, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện và hoàn thành trong năm 2023).

Giao chỉ tiêu thực hiện về cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính năm 2023 (nhiệm vụ này do các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên - Huế và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và TP. Huế, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện và hoàn thành trong năm 2023).

Giao nhiệm vụ cho tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó thành viên tổ công nghệ số đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn, hỗ trợ từng người dân tự sử dụng dịch vụ công trực tuyến để đảm bảo mỗi hộ gia đình có ít nhất 01 người biết cách sử dụng tài khoản VNeID, đăng nhập và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia (nhiệm vụ này do Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện và hoàn thành trong năm 2023).

Giao nhiệm vụ cho cơ quan Báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thường xuyên thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên các phương tiện thông tin đại chúng...

Để hoàn thành các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch hành động nêu trên, tỉnh Thừa Thiên - Huế sẽ tiếp tục đẩy mạnh triển khai các dịch vụ đô thị thông minh đi vào thực chất, lấy người dân là trung tâm phục vụ và lấy sự tin tưởng, tham gia của người dân là thước đo hiệu quả của

hệ thống. Tập trung mọi nguồn lực để tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, gắn với phát triển mạnh mẽ dịch vụ đô thị thông minh, hướng tới chính quyền số, xã hội số; lấy người dân và doanh nghiệp làm Trung tâm, vừa là người thụ hưởng, vừa là đối tượng đóng góp nâng cao chất lượng dịch vụ. Mục tiêu cải cách hành chính gắn với phát triển đô thị thông minh mà tinh Thừa Thiên - Huế mong muốn hướng tới là phải mang lại tiện ích, an toàn, thân thiện cho mọi người dân và doanh nghiệp.

*Trần Phương, Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên - Huế*

## BÀ RỊA - VŨNG TÀU: XỬ LÝ NGHIÊM MINH NHỮNG HÀNH VI GÂY PHIÊN HÀ, THAM NHŨNG TRONG THI HÀNH CÔNG VỤ

Đó là một trong những nội dung tại Công văn số 4950/UBND-VP ngày 27/4/2023 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Nguyễn Văn Thọ ký gửi các sở, ngành, địa phương trong tỉnh về thực hiện chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc của cán bộ, cơ quan, địa phương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu yêu cầu lãnh đạo các sở ngành, huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện nội dung Công điện 280/CĐ-TTg ngày 19/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị của tỉnh nhằm nâng cao trách nhiệm, hiệu quả trong xử lý công việc; nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính trên địa bàn.

Trường hợp đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm để xảy ra chậm trễ hoặc không quyết định những vấn đề, công việc thuộc thẩm quyền thì phải kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan theo đúng quy định; xử lý nghiêm minh những hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu, tham nhũng, tiêu cực.

Đồng thời có những hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời và thích đáng đối với các cơ quan, tập thể, cán bộ, công chức quyết liệt trong thi hành công vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, dám nói, dám nghĩ, dám làm, chủ động, sáng tạo vì lợi ích chung.

Sở Nội vụ phải tăng cường công tác kiểm tra hoạt động công vụ, nhất là kiểm tra đột xuất, bảo đảm mỗi sở, ngành, địa phương từ tỉnh đến cấp xã ít nhất mỗi năm được kiểm tra một lần; định kỳ hàng quý đánh giá, phân tích nguyên nhân, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu các giải pháp chỉ đạo chấn chỉnh...

*Nguồn: baobariavungtau.com.vn*



## TRÀ VINH: QUAN TÂM CHỈ SỐ XANH, TÁC ĐỘNG NÂNG THỨ HẠNG CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

Thực hiện phương châm “Không đánh đổi môi trường lấy kinh tế”, tỉnh Trà Vinh kiên quyết không đưa vào vận hành các dự án, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp... chưa đáp ứng các yêu cầu về môi trường, kế hoạch xử lý ô nhiễm. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường, kịp thời phát hiện, uốn nắn và xử lý các hành vi vi phạm... từ đó, được cộng đồng doanh nghiệp đồng thuận, góp phần cùng với tỉnh đạt kết quả quan trọng về thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022.

Để thực hiện phương châm hiệu quả, tỉnh Trà Vinh đã lắp đặt 124 camera giám sát tại các điểm nóng về môi trường, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trước khi vận hành phải thực hiện thủ tục hành chính về môi trường theo quy định, cam kết thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Nhờ đó, ngày 11/4/2023, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam công bố kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2022, tỉnh Trà Vinh đạt 66,06 điểm, hạng 26/63 tỉnh, thành cả nước, tăng 25 bậc, tăng 4,03 điểm so với năm 2021; nằm trong nhóm 30 tỉnh, thành điều hành tốt (năm 2021, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của tỉnh hạng 51/63 tỉnh, thành phố của cả nước, đạt 62,03 điểm, thuộc nhóm điều hành trung bình).

Thông tin từ lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo cải cách hành chính; nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và chuyển đổi số tỉnh Trà Vinh: kết quả đạt được, nhờ nỗ lực vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp, chủ thể của sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và đặc sản của tỉnh. Trong bối cảnh hoạt động khó khăn về vốn, nhân lực, hạ tầng... do ảnh hưởng của dịch COVID-19 kéo dài, nhưng doanh nghiệp vẫn tích cực cải cách nhiều lĩnh vực: hành chính, quản trị điều hành, chuyển đổi số... đặc biệt, thực hiện Chỉ số Xanh (PGI).

Tỉnh Trà Vinh trong nhóm 03 tỉnh, thành phố có điểm số cao về Chỉ số xanh. Đây là kết quả ghi nhận từ những động thái tích cực của doanh nghiệp trong tỉnh, sự nỗ lực của địa phương, cùng với cả nước thực hiện cam kết đạt phát thải bằng 0 vào năm 2050; là kết quả của sự chủ động, phối hợp thực hiện của toàn tỉnh: Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh đã ban hành nhiều Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư; Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện; cả hệ thống chính trị cùng tham gia vào cuộc đồng bộ, hiệu quả.

Tỉnh Trà Vinh quan tâm đến quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; đặc biệt, tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương rà soát và tham mưu xây dựng văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh theo Luật Bảo vệ môi trường. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng thực hiện bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; mời gọi sự tham gia của cộng đồng... Tăng cường

kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; phát huy hiệu quả vai trò của công tác quan trắc môi trường phục vụ công tác dự báo, cảnh báo và kiểm soát môi trường.

Tỉnh Trà Vinh xác định thực hiện Chỉ số xanh có liên quan trực tiếp đến nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Để thực hiện điều này, nên việc hợp tác của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong thực hiện Chỉ số xanh, nâng cao vai trò, trách nhiệm cùng bảo vệ môi trường. Từ đó, tập trung triển khai nhiều giải pháp hiệu quả. Chỉ số xanh tỉnh Trà Vinh đạt được, thể hiện sự đánh giá về thân thiện với môi trường dưới góc nhìn từ thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp: mức độ ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường, trình độ quản trị, ứng xử với môi trường; mức độ quan tâm, sẵn sàng đầu tư về bảo vệ môi trường... của doanh nghiệp và nhiều vấn đề quan trọng khác. Điều này còn khẳng định, doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh ngày càng nhận thức rõ các vấn đề môi trường.

Thực hiện Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai, phổ biến các nội dung liên quan đến các sở, ngành tỉnh Trà Vinh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố nhằm chủ động đánh giá thực trạng phát triển kinh tế xanh, đề ra một số giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế xanh; Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai Đề tài “Nghiên cứu thúc đẩy phát triển kinh tế xanh tỉnh Trà Vinh”; hiện Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đưa vào nội dung kế hoạch hành động của tỉnh.

Ngoài ra, trong quá trình xây dựng Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm, tỉnh lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Hiện, tỉnh Trà Vinh đã ban hành Sổ tay hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã và cấp huyện; trong đó, có lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

Tỉnh Trà Vinh xác định phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với bảo vệ môi trường, vì đây là các trụ cột quan trọng để phát triển bền vững, lâu dài. Điều này được thể hiện trong Chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Cụ thể “Bảo vệ môi trường gắn kết với phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội để phát triển bền vững. Chiến lược bảo vệ môi trường là bộ phận cấu thành không tách rời của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa giữa khai thác và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, giữ vững cân bằng sinh thái...”.

Hiện, toàn tỉnh Trà Vinh có 3.742 doanh nghiệp, vốn 60.870 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 84.104 lao động; trong đó có 43 doanh nghiệp FDI. Kết quả Chỉ số xanh năm 2022 của tỉnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng; nhằm khẳng định về chất lượng môi trường, hỗ trợ tinh sàng lọc các dự án đầu tư. Việc đón nhận và thực hiện Chỉ số xanh, rất cần thiết trong mục tiêu phát triển của doanh nghiệp; sẽ đánh giá về góc nhìn của doanh nghiệp, mức độ ứng dụng

công nghệ thân thiện môi trường, ứng xử môi trường và mức độ sẵn sàng đầu tư về môi trường; tạo động lực để các doanh nghiệp đầu tư theo hướng thân thiện môi trường.

*Nguồn: baotravinh.vn*

## XÂY DỰNG VĂN HÓA CÔNG VỤ CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HIỆN NAY

Xây dựng văn hóa công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là nội dung quan trọng trong xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tiến tới một nền hành chính hiện đại, dân chủ, công khai, minh bạch, năng động, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Bài viết phân tích các vấn đề về văn hóa công vụ, thực trạng và một số giải pháp xây dựng văn hóa công vụ nước ta hiện nay.

### Văn hóa công vụ và chủ trương nâng cao văn hóa công vụ

Văn hóa công vụ là hệ thống các giá trị, chuẩn mực của một nền công vụ, được cán bộ, công chức tôn trọng và chia sẻ, thực hành trong hoạt động công vụ, xác lập niềm tin, đạo đức, nếp sống, truyền thống, bản sắc của nền công vụ.

Văn hóa công vụ là văn hóa của tổ chức, cơ quan công quyền, dựa trên việc xác định các giá trị và chuẩn mực chung, được đội ngũ cán bộ, công chức chia sẻ và cùng thực hiện, tạo thành khuôn mẫu, thói quen, nếp sống, nâng cao năng lực, hiệu quả, hiệu lực thực thi công vụ, nhằm đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Văn hóa công vụ là sự thấm thâu các giá trị văn hóa vào hoạt động công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Văn hóa công vụ là sự tổng hợp nhuần nhuyễn của ba yếu tố: đạo đức công vụ, tri thức công vụ và hành vi công vụ. Nâng cao văn hóa công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức là một trong những vấn đề chính của cải cách hành chính nhà nước, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội.

Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành những chủ trương, chính sách, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, tạo cơ sở chính trị, pháp lý góp phần triển khai thực hiện văn hóa công vụ trong các cơ quan, tổ chức của Nhà nước. Cụ thể: Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đã nêu rõ “Chú trọng chăm lo xây dựng văn hóa trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể; coi đây là nhân tố quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”.

Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ, với mục tiêu là “Nâng cao văn hóa công vụ, góp phần hình thành phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả trong hoạt động thực thi nhiệm vụ, công vụ; đáp ứng yêu cầu phục vụ Nhân dân, xã hội.”

Quyết định số 733/QĐ-TTg ngày 14/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cán bộ, công chức, viên chức thi đua thực hiện văn hóa công sở” giai đoạn 2019 - 2025, nhằm nâng cao đạo đức công vụ, nói không với tiêu cực, nâng cao tinh thần trách nhiệm, năng lực công tác để gắn bó với Nhân dân hơn, phục vụ Nhân dân tốt hơn.

Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI đã chỉ ra: xây dựng và phát triển văn hóa, con người là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 cũng chỉ đạo rõ: “xây dựng hình ảnh đội ngũ công chức chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân”.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh: “Tập trung xây dựng Đảng về đạo đức, tích cực đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy thật tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu. Đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đi đôi với việc củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên”.

Những chủ trương, chính sách, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo đã tạo cơ sở chính trị, pháp lý, khẳng định quyết tâm của Đảng và Chính phủ trong việc thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, đẩy lùi tiêu cực, những nhiễu, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước, ngày càng hoàn thiện về phẩm chất, có tác phong chuyên nghiệp, hiện đại, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ thời kỳ mới.

### **Thực trạng xây dựng văn hóa công vụ ở nước ta hiện nay**

#### ***Những kết quả đạt được***

Thứ nhất, công tác tuyên truyền và quán triệt nội dung về việc thực hiện văn hóa công vụ đến mỗi cán bộ, công chức, viên chức được các cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị coi trọng, tích cực, chủ động đưa việc thực hiện văn hóa công vụ trở thành một trong những tiêu chí thi đua gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị; lề lối, phong cách làm việc trong các cơ quan, tổ chức từng bước được đổi mới theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt, hiện đại và hiệu quả. Các cơ quan, tổ chức đã rà soát, sửa đổi hoặc ban hành quy chế làm việc, quy định rõ nguyên tắc làm việc, chế độ trách nhiệm, quan hệ công tác, cách thức và quy trình giải quyết công việc.

Khi người đứng đầu là một tấm gương sáng về nhân phẩm đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thì sẽ có uy tín trong đơn vị, cơ quan và văn hóa công vụ ở cơ quan đó sẽ được nâng lên và phát triển.

Thứ hai, các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị đã chú trọng nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, kết hợp với tăng cường kiểm tra, giám sát. Đa số cán bộ, công chức giữ vững phẩm chất đạo đức công vụ, gương mẫu, đoàn kết nội bộ; tuân thủ quy định về thời gian làm việc, nghiêm túc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Thứ ba, tác phong làm việc, giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức luôn giữ chuẩn mực, thái độ lịch sự, hòa nhã. Nhiều cơ quan đã bố trí hòm thư góp ý tại bộ phận tiếp nhận, trả kết quả và công khai số điện thoại để người dân, doanh nghiệp phản ánh, kiến nghị về thái độ phục vụ của cán bộ, công chức. Đặc biệt, nhiều cơ quan, đơn vị đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tiếp nhận, xử lý, ký số văn bản điện tử. Trong đại dịch COVID-19, nhiều cơ quan, tổ chức đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành công sở, giao ban, hội nghị, hội họp... để bảo đảm công việc được duy trì bình thường, thông suốt.

Thứ tư, công sở, trụ sở làm việc từng bước được xây dựng văn minh, hiện đại. Việc thực hiện văn hóa công sở cũng đã đạt được kết quả khá tốt trên các mặt như trang phục của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ gọn gàng, lịch sự; khuôn viên các công sở, phòng làm việc của cơ quan được bài trí khoa học, hợp lý, có biển chỉ dẫn, sơ đồ phòng làm việc để thuận tiện cho tổ chức và cá nhân khi liên hệ công tác... Nhiều Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, triển khai xây dựng nhiều phần mềm, cơ sở dữ liệu nền tảng phục vụ xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử. Tính đến ngày 15/7/2020, có 97% số bộ, cơ quan ngang bộ và 91% số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã kết nối với mạng diện rộng (WAN); có 86,36% số bộ, cơ quan ngang bộ và 93,65% số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trung tâm dữ liệu.

### ***Một số hạn chế, yếu kém***

Một là, một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao với tinh thần, thái độ phục vụ chưa cao, còn biểu hiện “vô cảm”, “hách dịch”; kén chọn vị trí công tác, chọn việc dễ, bỏ việc khó; ít nhiều còn biểu hiện “tư duy nhiệm kỳ”; làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; thiếu chủ động phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

Hai là, còn biểu hiện thiếu tôn trọng, lắng nghe, hoặc chưa tận tình hướng dẫn về quy trình xử lý công việc và chưa giải thích cặn kẽ những thắc mắc của người dân. Chưa thực hiện tốt nhất phương châm của văn hóa công sở: “4 xin, 4 luôn”: xin chào, xin lỗi, xin cảm ơn, xin phép; luôn mỉm cười, luôn nhẹ nhàng, luôn lắng nghe, luôn giúp đỡ. Cụ thể, vẫn tồn tại tình trạng một số cán bộ, công chức, viên chức giải quyết công việc sai quy định, hướng dẫn, giải thích công việc cho người dân lòng vòng, khó hiểu, thái độ làm việc hời hợt, thiếu nhiệt tình, thân thiện; thậm chí một số cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn thư, lưu trữ của cơ quan chuyên môn cũng hách dịch, gây khó dễ cho các cá nhân đến liên hệ công tác... Những biểu hiện đó do ý thức rèn luyện đạo đức công vụ chưa cao, dẫn đến lệch chuẩn đạo đức công vụ.

Ba là, một số cán bộ, công chức, viên chức chưa tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư"; trung thực, giản dị, thẳng thắn, chân thành; có biểu hiện cơ hội, sống ích kỷ, ganh ghét, đố kỵ. Tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức; lập trường tư tưởng không vững vàng, hoang mang, dao

động trước những tác động từ bên ngoài; sa vào chủ nghĩa cá nhân ích kỷ, hẹp hòi, bị cám dỗ bởi các lợi ích vật chất, không làm tròn trách nhiệm, bổn phận của mình trước Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Bốn là, một số cán bộ, công chức, viên chức chưa chú trọng trang phục bảo đảm tính lịch sự hoặc sử dụng trang phục của ngành chưa đúng quy định, không phù hợp với công việc là người đại diện và là hình ảnh của cơ quan công quyền.

### **Giải pháp xây dựng văn hóa công vụ**

Để xây dựng nền văn hoá công vụ Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc, hướng tới mục tiêu chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả, trong thời gian tới, cần tiến hành một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, nghiêm túc quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các chủ trương của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, trong đó có văn hóa công vụ, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, trong đó có: “Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”; “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước. Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức”...

Hai là, tiếp tục nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức về vai trò quan trọng của việc xây dựng văn hóa công vụ Việt Nam. Cán bộ, công chức, viên chức là những người trực tiếp thực thi nền công vụ nước nhà. Nhân dân là những người “được phục vụ” đồng thời cũng là lực lượng có vai trò giám sát toàn bộ hoạt động công vụ và các giá trị chuẩn mực văn hóa công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp góp ý để văn hóa công vụ của đất nước ngày càng hoàn thiện và phát triển. Cho nên, việc nâng cao nhận thức về văn hóa công vụ trong toàn thể nhân dân và cán bộ, công chức, viên chức sẽ có ý nghĩa to lớn, thiết thực trong việc xây dựng và phát triển văn hóa công vụ của đất nước trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế.

Ba là, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và triển khai đồng bộ nội dung văn hóa công vụ trong Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Nghiên cứu, sửa đổi các quy định, nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức nhằm tạo hành lang pháp lý, ngăn ngừa những vi phạm về văn hóa công vụ. Tham mưu, đề xuất sáng kiến, nỗ lực cải cách hành chính, xây dựng tác phong, lề lối công tác, rèn luyện đạo đức công vụ, góp phần xây dựng một nền hành chính phục vụ, xây dựng Chính phủ kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả, xây dựng Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Triển khai đồng bộ các quy định về văn hóa công vụ trong tất cả các ngành và lĩnh vực, các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong hoạt động nội bộ của các cơ quan, tổ chức, hướng tới nâng cao hiệu suất lao động, giảm hội họp, giấy tờ hành chính và chế độ báo cáo, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử. Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, trên diện rộng cho người dân và doanh nghiệp; niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính tại trụ sở nhằm làm cho hoạt động của cơ quan, tổ chức được minh bạch hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện văn hóa công vụ theo chương trình, kế hoạch hằng năm và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. Kịp thời biểu dương, khen thưởng những cán bộ, công chức, viên chức có thành tích, gương mẫu trong thực hiện văn hóa công vụ.

Bốn là, đề cao vai trò gương mẫu của người đứng đầu các đơn vị, tổ chức, cơ quan trong quá trình xây dựng và thực thi văn hóa công vụ. Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cơ quan có vai trò quan trọng trong quá trình lãnh đạo quản lý và xây dựng văn hóa công vụ tại đơn vị, tổ chức, cơ quan mình đang công tác. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải luôn quan tâm chú ý đến phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trẻ, tài năng, giàu nhiệt huyết cống hiến. Đó là việc làm quan trọng để tăng cường, củng cố tổ chức bộ máy nhà nước cùng với đội ngũ nhân sự tương ứng, bảo đảm yêu cầu chung, hướng tới một nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ. Khi người đứng đầu là một tấm gương sáng về nhân phẩm đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thì sẽ có uy tín trong đơn vị, cơ quan và văn hóa công vụ ở cơ quan đó sẽ được nâng lên và phát triển.

Năm là, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong xây dựng văn hóa công vụ: tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức; đề cao đạo đức công vụ, trách nhiệm xã hội, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo và thực thi công vụ, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có uy tín, có chuyên môn giỏi, thông thạo nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, luôn gần dân, biết lắng nghe, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân và phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn. Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động cơ quan, tạo sự đoàn kết, thống nhất, phát huy cao độ nguồn lực, sức mạnh của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

*ThS. Lê Thị Hồng Yến, Vụ Quản lý đào tạo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

*Nguồn: [lyluanchinhtri.vn](http://lyluanchinhtri.vn)*



-----  
**Tài liệu tham khảo:**

1. Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng giai đoạn 2021 - 2030.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
3. Ngọc Hải: Xây dựng văn hóa công vụ trong các cơ quan hành chính nhà nước hiện nay, <https://www.moha.gov.vn/danh-muc/xay-dung-van-hoa-cong-vu-trong-cac-co-quan-hanh-chinh-nha-nuoc-hien-nay-44158.html>, truy cập ngày 23/4/2020.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị: Văn hóa và phát triển, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2021.
5. Bích Huệ: Xây dựng văn hóa công vụ trong cán bộ, công chức, viên chức, <https://tuyenquang.dcs.vn/DetailView/2377/38/Mot-so-giai-phap-xay-dung-Van-hoa-cong-vu--gop-phan-xay-dung-le-loi-lam-viec-chuan-muc-cua-doi-ngu-can-bo-cong-chuc-vien-chuc.html>, truy cập ngày 03/10/2020.
6. Toàn văn Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, <https://moha.gov.vn/nghi-quyet-tw4/van-ban-chi-dao/toan-van-nghi-quyet-trung-uong-4-khoa-xii-38020.html>, truy cập ngày 27/4/2018.

## DỨT KHOÁT PHẢI CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG

Dứt khoát phải cải cách tiền lương, không thể chậm được vì lương là để kích thích kinh tế, đầu tư. Chi cho tiền lương là đầu tư cho con người, đào tạo một lớp đội ngũ cán bộ trung thành với cơ quan, trung thành với Đảng, Nhà nước.

### **Tiền lương không đủ sống sẽ làm suy giảm chất lượng nguồn nhân lực xã hội**

Trong loạt bài "Lương - chính sách và thực tiễn", báo Quân đội Nhân dân dẫn ý kiến các chuyên gia cho rằng: Việc cải cách tiền lương theo hướng trả lương đúng, đủ cho người lao động chính là thực hiện đầu tư cho phát triển; tạo động lực nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc của người lao động; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, thúc đẩy, nâng cao chất lượng tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Động lực quan trọng nhất mà chính sách tiền lương tạo ra và phải có là thống nhất, tiền tệ hóa và luật hóa được mức lương tối thiểu/lương cơ sở theo thời gian (tháng, giờ) sao cho bù đắp và tái sản xuất sức lao động của người lao động và gia đình (ít nhất thêm 1 - 2 con trong độ tuổi vị thành niên) người lao động nhận lương.

Mức lương tối thiểu đó phải được xây dựng trên cơ sở ngày càng tính đúng, tính đủ hao phí sức lao động, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cần thiết hợp lý và nâng dần phù hợp với độ mất giá của tiền tệ, độ trượt giá các chi phí hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng và sự cải thiện mặt bằng chất lượng sống chung của xã hội.

Một khi mức lương không đủ sống sẽ không những làm suy giảm sức lao động, chất lượng sống kéo theo suy giảm chất lượng nguồn nhân lực xã hội, mà còn khiến người lao động thiếu toàn tâm toàn ý và toàn thời gian cho công việc, gia tăng tình trạng "chân ngoài dài hơn chân trong" để tìm kiếm các hoạt động mang lại thu nhập bổ sung khác, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả lao động của người lao động và hiệu quả phát triển lâu dài của đơn vị trả lương.

Ngoài ra, tiền lương cần phù hợp mức độ thực tại và kích thích tăng năng suất lao động xã hội tương lai; có sức cạnh tranh trong thu hút và giữ chân người tài...

### **Phải đổi mới tư duy trong cải cách chính sách tiền lương**

Theo Phó Trưởng ban Ban Chính sách - Pháp luật, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam Lê Đình Quảng, thành viên Hội đồng Tiền lương quốc gia, lương đủ sống là mức lương thấp nhất được trả cho một người làm việc trong giờ làm việc tiêu chuẩn (8 giờ/ngày, 48 giờ/tuần) đủ để trang trải những chi phí cơ bản cần thiết cho người lao động và gia đình họ - bao gồm thực phẩm đủ dinh dưỡng, nhà ở phù hợp, các tiện ích, chăm sóc sức khỏe, quần áo, đi lại và giáo dục, quan hệ xã hội, cùng với một khoản tiền tiết kiệm cho tương lai và các sự việc bất thường xảy ra.

Trao đổi về cải cách tiền lương, TS. Bùi Sỹ Lợi (nguyên Đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa, nguyên Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội) nhấn mạnh quan điểm phải đổi mới tư duy trong cải cách chính sách tiền lương.

Chi tiền lương cho cán bộ, công chức, viên chức chính là chi cho đầu tư phát triển. Phải bảo đảm cho tiền lương thực sự là động lực quan trọng thúc đẩy cán bộ, công chức, viên chức nâng cao năng lực thực thi công vụ có hiệu quả hơn, giảm thiểu tham nhũng.

"Việc đầu tư cho con người và cho đội ngũ công chức hành chính nói riêng sẽ có lợi về lâu dài cả về kinh tế, chính trị và xã hội nhân văn", TS. Bùi Sỹ Lợi nhấn mạnh.

TS. Bùi Sỹ Lợi khẳng định, bản chất của tiền lương là cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, tiền lương phải tiệm cận với giá trị sức lao động trên thị trường, hướng tới sự công bằng, thực chất.

Bên cạnh đó, tiền lương phải theo quan hệ cung cầu lao động nhưng bản chất tiền lương hiện nay của chúng ta chưa đáp ứng được yêu cầu đó.

Do đó, tiền lương thực tế của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở nước ta hiện vẫn chưa bảo đảm được theo nguyên tắc của tiền lương là đủ nuôi sống người lao động và gia đình họ.

"Thực tế là, tiền lương thấp còn kéo theo năng suất lao động thấp, do đó, tiền lương thấp không thể là động lực để tăng năng suất lao động. Bởi lẽ, người ta làm công việc chỉ ở mức tiền lương được trả", TS. Bùi Sỹ Lợi phân tích.

### **Bất cập từ hệ thống thang bảng lương, mức lương đến phụ cấp**

Bất cập cũng không chỉ trong thiết kế hệ thống thang bảng lương, mức lương, mà còn ở các loại phụ cấp theo lương. Hiện tại có rất nhiều loại phụ cấp chưa hợp lý.

TS. Bùi Sỹ Lợi cho rằng việc lương chính thấp hơn hoặc bằng phụ cấp khiến không phân định rõ được bản chất của tiền lương, không thể hiện đúng giá trị thực của tiền lương.

"Do đó, cần thay đổi cơ cấu thang bảng lương, hệ số lương và mức chênh lệch tiền lương giữa các ngành nghề, lĩnh vực để bảo đảm tương đồng với chi phí sức lao động của người cống hiến, đóng góp cho nhà nước", TS. Bùi Sỹ Lợi kiến nghị.

Nhắc đến tình trạng "chân ngoài dài hơn chân trong" hiện nay, TS. Bùi Sỹ Lợi cho rằng, tính đến nay, việc cải cách tiền lương đã lỡ hẹn đến 4 lần, dẫn đến tư tưởng của cán bộ, công chức, viên chức không những bị suy giảm mà còn dẫn đến tham nhũng, tiêu cực để lo đủ sống.

Một số người không chịu phấn đấu, rèn luyện, tu dưỡng thì niềm tin đối với bộ máy công quyền sẽ bị suy giảm.

### **Cải cách tiền lương phải đi trước, chi cho tiền lương là đầu tư cho con người**

Do đó, TS. Bùi Sỹ Lợi đề nghị Đảng, Nhà nước phải nghiên cứu, nếu chưa có nguồn lực ngân sách thì cũng phải tìm cách để cải cách tiền lương nhằm thu hút nhân tài. Nếu không, sẽ có một bộ phận nhân tài "chảy máu chất xám" từ khu vực công sang khu vực tư, thậm chí là "chảy" ra nước ngoài...

"Muốn vậy, chúng ta phải tiết kiệm, nhất là tiết kiệm chi, giảm chi phí hành chính, giảm biên chế để tăng quỹ lương cho khu vực và dành quỹ đó cho cải cách tiền lương. Mặt khác, các địa phương phải giảm chi và tăng thu ngân sách để dành cho quỹ cho chi tiền lương.

Nếu không đủ thì chúng ta phải lấy từ ngân sách đầu tư công, giảm bớt chi tăng trưởng và phát triển để tập trung chi cho tiền lương, coi đó như là đầu tư cho con người, đầu tư cho tăng trưởng", TS. Bùi Sỹ Lợi gợi ý.

Nhấn mạnh cải cách tiền lương đi trước để đào tạo một lớp đội ngũ cán bộ trung thành với cơ quan, trung thành với Đảng, Nhà nước, TS. Bùi Sỹ Lợi cho rằng: "Nếu chúng ta làm được như thế thì không chỉ là cải thiện đời sống cán bộ, công chức, viên chức mà còn khiến các cán bộ, công chức nêu cao tinh thần trách nhiệm, niềm tin đối với nhà nước".

### **Cải cách tiền lương phải toàn diện**

Cùng với đó, quá trình thực hiện cải cách chính sách tiền lương cần tiến hành đồng bộ với cải cách các chính sách khác có tác động liên quan trực tiếp đến tiền lương như: Cải cách hành chính, cải cách tài chính công; cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách ưu đãi đối với người có công và chính sách trợ giúp xã hội; đồng thời phải xuất phát từ tình hình thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

Nội dung cải cách chính sách tiền lương phải toàn diện, bao gồm cả thang lương, bảng lương, hệ số lương và các khoản phụ cấp, bảo đảm tiền lương thực sự là đòn bẩy để tăng năng suất lao động, hiệu quả công tác và coi đầu tư cho tiền lương là đầu tư cho phát triển.

Đồng quan điểm trên, TS. Phạm Trọng Nghĩa (đại biểu Quốc hội tỉnh Lạng Sơn, Ủy viên chuyên trách Ủy ban Xã hội của Quốc hội) cũng nhấn mạnh quan điểm, kinh tế - xã hội chúng ta có phát triển đến đâu thì cuối cùng cũng là nhằm phục vụ con người. Do đó, chúng ta phải xác định được nguồn lực để tăng lương cho cán bộ, công chức chính là nguồn lực cho đầu tư phát triển.

### **Cần tính đến phương án sử dụng vốn ODA để tăng lương cho công chức, viên chức**

Gợi mở một số cách tạo nguồn lực, TS. Phạm Trọng Nghĩa cho rằng, chúng ta đã sử dụng nhiều vốn ODA để đầu tư, phát triển hạ tầng và bây giờ cần tính đến phương án dùng nguồn vốn này để đầu tư cho nguồn nhân lực bằng việc tăng lương cho công chức, viên chức.

Mặt khác, phải tăng cường hiệu suất công việc của cán bộ, công chức, cần lựa chọn bộ phận công chức hành chính để cải cách tiền lương, thúc đẩy nâng cao động lực làm việc của đội ngũ công chức hành chính, nâng cao hiệu quả của bộ máy công quyền là cần thiết...

Từ đó, TS. Phạm Trọng Nghĩa nhấn mạnh tính cấp thiết của cải cách tiền lương, trong đó hướng đến trả lương theo vị trí, thông qua việc xây dựng hệ thống chức danh công việc hợp lý và so sánh với mức tiền công trên thị trường.

Thứ hai, trả lương theo cá nhân, theo đó cần xác định các yêu cầu về trình độ và khả năng của người lao động đối với từng vị trí công việc để trả lương tương ứng; xác định và áp dụng các mức lương cao đối với các kỹ năng và tay nghề có nhu cầu cao trên thị trường.

Thứ ba, trả lương cho kết quả hoàn thành công việc. Theo đó, để cải thiện tiền lương, bảo đảm mức sống cho cán bộ, công chức cũng như nâng tạo động lực trong công việc, nâng cao hiệu quả, cần nghiên cứu hệ thống bảng lương trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện công việc.

**Dứt khoát phải cải cách tiền lương**

Mới đây, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Nội vụ nghiên cứu hoàn thiện các nội dung cụ thể của cải cách chính sách tiền lương và phụ cấp mới trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thực hiện vào thời điểm thích hợp sau năm 2023, bảo đảm theo yêu cầu của Nghị quyết số 27-NQ/TW, trình cấp có thẩm quyền về lộ trình thực hiện.

Tại Thông báo số 37/TB-VPCP kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị đánh giá việc thực hiện Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Chính phủ với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Thủ tướng Phạm Minh Chính đã giao Bộ Nội vụ nghiên cứu hoàn thiện các nội dung cụ thể về cải cách tiền lương và phụ cấp mới.

Trong đó, về đánh giá, xác định và công bố "mức sống tối thiểu" của người lao động và gia đình người lao động, Thủ tướng giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục nghiên cứu ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để thu thập đầy đủ hơn thông tin tính toán mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình người lao động làm cơ sở Hội đồng Tiền lương Quốc gia xác định mức lương tối thiểu vùng hằng năm.

Tinh thần cải cách tiền lương cũng là nội dung thường xuyên được Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ nhắc đến tại các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Quốc hội và trong các cuộc tiếp xúc cử tri.

"Dứt khoát phải cải cách tiền lương, không thể chậm được vì lương là để kích thích kinh tế, đầu tư. Tất cả cơ chế đặc thù phải được bãi bỏ, không thể có công chức loại 1, loại 2, loại 3 nữa. Có thể dịch bệnh ảnh hưởng nhưng quyết tâm vẫn làm được, vì vẫn còn nguồn dư cho cải cách tiền lương", Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ nhấn mạnh.

Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho biết, nếu điều kiện đất nước năm 2023 có sự phát triển kinh tế - xã hội tốt và năm 2024 tăng trưởng kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng bền vững, không bị tác động bởi các yếu tố khách quan như năm 2020 - 2021, cũng như bối cảnh năm 2022 thì có thể triển khai được chính sách cải cách tiền lương.

Trước thực trạng gần 40.000 công chức, viên chức nghỉ việc, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phạm Thị Thanh Trà cho rằng, giải pháp đầu tiên là phải quan tâm nâng cao đời sống của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Việc điều chỉnh mức lương cơ sở cũng là một trong những giải pháp giảm bớt khó khăn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tại cuộc tiếp xúc cử tri trước Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV tại huyện Triệu Sơn và thành phố Sầm Sơn, thay mặt đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung đã trả lời một số vấn đề liên quan đến các ý kiến của cử tri về tiền lương.

Bộ trưởng Đào Ngọc Dung khẳng định, hiện Nhà nước chưa chính thức thực hiện việc cải cách chính sách tiền lương. Tuy nhiên, từ ngày 01/7 tới, tiền lương sẽ được điều chỉnh tăng để tương thích với tình trạng trượt giá, trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, lạm phát tăng cao.

Do tình hình kinh tế - xã hội trong và ngoài nước hiện đang nhiều khó khăn, vương mắc nên tạm thời Nhà nước chưa thực hiện cải cách chính sách tiền lương, nhưng sẽ điều chỉnh tiền lương cho phù hợp thực tế.

Việc điều chỉnh chính sách tiền lương hiện nay sẽ tập trung vào các đối tượng như: Cán bộ công chức, viên chức; người làm công ăn lương; người có công với cách mạng; người thuộc diện bảo trợ xã hội; người có hoàn cảnh khó khăn; cán bộ hưu trí, cán bộ y tế tuyến xã, tuyến cơ sở; giáo viên... Việc điều chỉnh chính sách tiền lương với các đối tượng này nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu.

### **\* Cấp bách đẩy nhanh tốc độ cải cách chính sách tiền lương; khẩn trương điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng**

Việc cấp bách đặt ra trước mắt là cần phải đẩy nhanh tốc độ cải cách chính sách tiền lương để đảm bảo đời sống của cán bộ, công chức, viên chức. Việc điều chỉnh tiền lương tối thiểu của bốn vùng cũng cần phải được tiến hành khẩn trương, tuân thủ theo nguyên tắc của Bộ luật Lao động.

#### **Tiền lương là vấn đề cấp bách và bức thiết hiện nay**

Trong thời gian qua, với sự quan tâm, chú trọng của Đảng và Nhà nước, các cấp, các ngành, các cơ quan chức năng đã xác định mục tiêu, nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với từng giai đoạn, triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Đây là một công tác quan trọng nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực; góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; bảo đảm đời sống của người hưởng lương và gia đình người hưởng lương, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc thực hiện cải cách tiền lương vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, vẫn còn những hạn chế, bất cập cần tháo gỡ, giải quyết.

Chia sẻ về vấn đề này trên [quochoi.vn](http://quochoi.vn), TS. Bùi Sỹ Lợi, chuyên gia cao cấp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề Xã hội, Đại biểu Quốc hội các khóa XI, XII, XIII, XIV nhấn mạnh: "Trước hết, phải khẳng định rằng tiền lương là vấn đề cấp bách và bức thiết hiện nay".

Theo ông, tiền lương của khu vực có quan hệ lao động phải đảm bảo đáp ứng được yêu cầu mức sống tối thiểu cho người lao động và gia đình họ, phải tạo được động lực giải phóng sức sản xuất, nâng cao năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực.

Nếu mức tiền lương quá thấp, sẽ không đủ bù đắp cho quá trình tái sản xuất, không đáp ứng được yêu cầu mở rộng, không bù đắp được quá trình đào tạo lao động.

Dĩ nhiên điều đó sẽ làm người lao động không thể toàn tâm, toàn ý vào công việc, gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng và năng suất lao động.

**Khẩn trương điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng**

Vì vậy, TS. Bùi Sỹ Lợi cho rằng, việc điều chỉnh tiền lương tối thiểu của bốn vùng cần được tiến hành khẩn trương, tuân thủ theo nguyên tắc của Bộ luật Lao động.

Cụ thể là phải có điều chỉnh lương tối thiểu hàng năm. Tháng 10 năm trước đó, Hội đồng tiền lương quốc gia phải định ra tiền lương tối thiểu vùng của bốn vùng.

"Tiền lương tối thiểu được xác định bằng mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ, ít nhất là phải nuôi sống được người lao động và người phụ thuộc", TS. Bùi Sỹ Lợi nhấn mạnh.

Bên cạnh đó, phải đảm bảo ký kết thỏa ước lao động tập thể và thương lượng tập thể của đại diện tổ chức người lao động với người sử dụng lao động để mức lương đó phản ánh được giá trị sức lao động của người công nhân, người lao động.

Với khu vực có quan hệ lao động, phải thúc đẩy việc thương lượng nâng cao mức lương cho người lao động. Mức lương tối thiểu vùng như hiện tại sẽ không đáp ứng được đủ các nhu cầu sống trong thực tế.

**Cấp bách đẩy nhanh tiến độ cải cách chính sách tiền lương**

TS. Bùi Sỹ Lợi nhấn mạnh rằng, việc thực hiện cải cách tiền lương cần phải đẩy nhanh hơn nữa. Đối với khu vực nhà nước, hiện nay tiền lương rất thấp. Bởi sau gần 5 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, chúng ta vẫn chưa đạt được kết quả như yêu cầu.

Ngày 01/7/2023 tới đây, chúng ta điều chỉnh mức lương cơ sở từ 1.490.000 đồng lên 1.800.000 đồng. Tuy nhiên, TS. Bùi Sỹ Lợi cho rằng, với mức điều chỉnh này, tiền lương của cán bộ, công chức, viên chức vẫn chưa đủ để đáp ứng những nhu cầu cuộc sống, nên rất khó tạo ra đội ngũ công chức chuyên nghiệp, chuyên cần và hiệu quả.

Chính vì vậy, việc cấp bách đặt ra trước mắt là phải đẩy nhanh tốc độ cải cách chính sách tiền lương để đảm bảo đời sống của cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng được với sự gia tăng của giá cả sinh hoạt trên thị trường.

Đồng thời phải đảm bảo mức lương chi trả tương xứng, thể hiện đúng giá trị sức lao động của cán bộ công chức viên chức. Tiền lương phải thể hiện được giá trị sức lao động bằng giá cả trên thị trường.

Chính vì lẽ đó, trong giai đoạn hiện nay, cần thực hiện tốt việc điều chỉnh tiền lương từ ngày 01/7/2023. Đảng và Nhà nước cần tập trung nguồn lực, coi đầu tư cải cách tiền lương chính là đầu tư cho phát triển.

**Tinh giản biên chế là yếu tố tiên quyết của cải cách chính sách tiền lương**

Theo TS. Bùi Sỹ Lợi về lâu dài, trong năm 2024, chúng ta cần đổi mới, tập trung phân tích và giải quyết dứt điểm 3 vấn đề:

Một là, cần tiếp tục sắp xếp lại tổ chức, biên chế, bộ máy, tinh giản biên chế và bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp

xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Phải nhận thức rõ việc tinh giản biên chế là yếu tố tiên quyết của cải cách chính sách tiền lương. Sự phân công lại lao động một cách hợp lý sẽ góp phần tăng năng suất lao động, tạo tăng trưởng xã hội để phát triển đất nước.

### **Phải tạo được nguồn lực để cải cách chính sách tiền lương**

Hai là, cần thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nhưng phải thực hiện có chọn lọc, đảm bảo các đơn vị này đáp ứng đủ các điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

Ba là, phải tạo được nguồn lực để cải cách chính sách tiền lương.

Muốn cải cách tiền lương thì phải có nguồn lực, nguồn lực đó lấy từ việc tinh giản biên chế, từ việc tiết kiệm chi, từ phòng chống tham nhũng, tiêu cực, từ thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, từ việc tăng thêm nguồn thu của địa phương và trung ương. Khi nguồn thu tăng lên vượt chỉ tiêu, phần tiền đó phải để dành để thực hiện cải cách tiền lương. Đồng thời phải giảm bớt chi đầu tư tăng trưởng để dành một phần nguồn lực cho cải cách tiền lương, vì đầu tư cho cải cách tiền lương chính là đầu tư cho phát triển.

### **Tiền lương phân phối theo lao động là thể hiện sự tiến bộ và công bằng xã hội**

Theo TS. Bùi Sỹ Lợi, chúng ta mong muốn xây dựng một xã hội phát triển và công bằng. Con người là yếu tố quan trọng và mang tính chất quyết định nhất trong quá trình sản xuất để tăng năng suất lao động, biến đổi xã hội, làm xã hội phát triển. Tiền lương phân phối theo lao động cũng thể hiện sự công bằng xã hội.

Sau hơn 30 năm đổi mới và đặc biệt là 10 năm vừa qua, Đảng ta đã xác định rõ nguyên lý: Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội.

Mới đây, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã khẳng định, không đánh đổi an sinh xã hội, phúc lợi xã hội lấy tăng trưởng kinh tế. Con người là trọng tâm, là mục tiêu, là động lực của sự phát triển.

Để thực hiện được mục tiêu, hiện thực hóa được tư tưởng này, việc thực hiện cải cách tiền lương, đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động, cán bộ, công chức, viên chức là rất quan trọng.

Chúng ta cần nhìn nhận và đánh giá kỹ lưỡng tình trạng một đội ngũ, lực lượng công chức cán bộ của khu vực công tràn ra khu vực tư. Có thể khẳng định rằng đó là tình trạng chảy máu chất xám từ khu vực công sang khu vực tư.

Nếu không khắc phục thì dẫn đến tình trạng đội ngũ công chức của chúng ta không đảm đương được nhiệm vụ đi đầu, định hướng và dẫn dắt và lãnh đạo đối với lực lượng lao động.

Trong bối cảnh đó, TS. Bùi Sỹ Lợi kỳ vọng việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương sẽ bảo đảm tiền lương đủ sống cho cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo, phù hợp với nguồn lực của Nhà nước và nguồn thu sự nghiệp dịch vụ công, bảo



đảm tương quan hợp lý với tiền lương trên thị trường lao động. Qua đó, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm đời sống của người hưởng lương và gia đình, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

*Nguồn: xaydungchinh sach.chinhphu.vn*

## CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, CÁC BỘ, NGÀNH: BAN HÀNH QUY ĐỊNH MỚI

**\* Chính phủ ban hành Nghị định số 20/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.**

Trong đó, Nghị định này bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Cụ thể, Nghị định bổ sung Khoản 3a, 3b Điều 12 về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi như sau: 3a. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư do cơ quan, tổ chức mình quản lý, trừ dự án quy định tại Khoản 2 Điều này. 3b. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý, trừ dự án quy định tại Khoản 2 Điều này.

Cùng với việc bổ sung quy định về thẩm quyền, Nghị định này cũng bổ sung Khoản 5a, 5b Điều 14 về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Cụ thể:

5a. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản thực hiện như sau: a) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản giao đơn vị trực thuộc tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; b) Cơ quan chủ quản lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan; c) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; d) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản chỉ đạo đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định và ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan; đ) Căn cứ ý kiến thẩm định của đơn vị có chức năng, ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan chủ quản quyết định chủ trương đầu tư.

5b. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện như sau: a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao đơn vị trực thuộc tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Kế hoạch và

Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan; c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao đơn vị có chức năng để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo đơn vị quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo ý kiến thẩm định, ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan; đ) Căn cứ ý kiến thẩm định của đơn vị có chức năng, ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

**\* Ngày 28/4, Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.**

Theo đó, Nghị định này quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Phòng, chống rửa tiền về nguyên tắc, tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền; nhận biết khách hàng; tiêu chí xác định chủ sở hữu hưởng lợi; giao dịch có giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp; cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo; thu thập, xử lý và phân tích thông tin phòng, chống rửa tiền; trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền trong nước; căn cứ để nghi ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen và cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận báo cáo trì hoãn giao dịch.

Về nguyên tắc đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền, Nghị định nêu rõ đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo các tiêu chí, phương pháp được pháp luật quy định, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam.

Đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền phải xác định được mức độ rủi ro về rửa tiền của quốc gia. Đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền là cơ sở để xây dựng kế hoạch thực hiện sau đánh giá và cập nhật chính sách, chiến lược về phòng, chống rửa tiền tương ứng trong từng thời kỳ.

Thông tin, tài liệu, dữ liệu phục vụ việc đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền được thu thập từ cơ sở dữ liệu của các cơ quan có thẩm quyền, đối tượng báo cáo, tài liệu nghiên cứu trong và ngoài nước trên nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo đảm tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Nghị định quy định tiêu chí đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền bao gồm tiêu chí nguy cơ rửa tiền; tiêu chí mức độ phù hợp của các chính sách, biện pháp phòng, chống rửa tiền và tiêu chí hậu quả rửa tiền của quốc gia và của ngành, lĩnh vực.

Trong đó, tiêu chí nguy cơ rửa tiền bao gồm tiêu chí nguy cơ rửa tiền từ tội phạm nguồn của tội rửa tiền và tiêu chí nguy cơ rửa tiền đối với ngành, lĩnh vực, cụ thể như sau: Tiêu chí nguy cơ rửa tiền từ tội phạm nguồn của tội rửa tiền bao gồm nguy cơ rửa tiền từ từng tội phạm nguồn trong nước và xuyên quốc gia được đánh giá; Tiêu chí nguy cơ rửa tiền đối với ngành, lĩnh vực bao gồm nguy cơ rửa tiền từ từng ngành, lĩnh vực trong nước và xuyên quốc gia được đánh giá.

Tiêu chí mức độ phù hợp của các chính sách, biện pháp phòng, chống rửa tiền bao gồm tính toàn diện của khuôn khổ pháp lý và tính hiệu quả của việc thực hiện quy định pháp luật,

cụ thể như sau: Tiêu chí tính toàn diện của khuôn khổ pháp lý bao gồm tính đầy đủ của các quy định pháp luật liên quan đến phòng, chống rửa tiền của quốc gia và của ngành, lĩnh vực; Tiêu chí tính hiệu quả của việc thực hiện quy định pháp luật bao gồm tính hiệu quả của việc thực hiện quy định pháp luật của quốc gia; của ngành, lĩnh vực và mức độ phù hợp của các chính sách, biện pháp phòng, chống rửa tiền gắn với một số sản phẩm, dịch vụ chính của ngành, lĩnh vực.

Tiêu chí hậu quả của rửa tiền bao gồm: Tiêu chí tác động tiêu cực do rửa tiền gây ra đối với nền kinh tế; Tiêu chí tác động tiêu cực do rửa tiền gây ra đối với hệ thống tài chính; Tiêu chí tác động tiêu cực do rửa tiền gây ra đối với ngành, lĩnh vực; Tiêu chí tác động tiêu cực do rửa tiền gây ra đối với xã hội.

Nghị định quy định cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo lưu trữ tại tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và thông tin, hồ sơ, tài liệu tổ chức, cá nhân tiếp nhận, thu thập được trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn để phục vụ công tác phân tích, trao đổi, cung cấp và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền.

Tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo đúng thời hạn yêu cầu.

Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện xử lý, phân tích thông tin, báo cáo nhận được, bao gồm: Phân tích và xử lý thông tin dựa trên nguồn thông tin sẵn có và thu thập bổ sung để xác định các xu hướng và mô hình rửa tiền nhằm xây dựng chiến lược và mục tiêu phòng, chống rửa tiền trong ngành, lĩnh vực, quốc gia trong từng giai đoạn nhất định; Phân tích và xử lý thông tin dựa trên nguồn thông tin sẵn có và thu thập bổ sung để lần theo dấu giao dịch, xác định các mối liên hệ, các hoạt động có nghi ngờ liên quan tới rửa tiền hoặc hoạt động tội phạm khác.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định này.

**\* Ngày 28/4, Chính phủ ban hành Nghị định số 18/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.**

Nghị định này sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP quy định về doanh nghiệp bán hàng đa cấp. Theo quy định mới, doanh nghiệp bán hàng đa cấp là doanh nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp để tổ chức hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp theo quy định của Nghị định.

Nghị định này cũng sửa đổi, bổ sung một số điều kiện đối với tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP.

Theo đó, thành viên đối với công ty hợp danh, chủ sở hữu đối với doanh nghiệp tư nhân hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu

hạn có từ hai thành viên trở lên, cổ đông đối với công ty cổ phần, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không bao gồm tổ chức hoặc cá nhân từng giữ một trong các chức vụ nêu trên tại doanh nghiệp bán hàng đa cấp đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của Nghị định số 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp và Nghị định này trong thời gian doanh nghiệp đó đang hoạt động bán hàng đa cấp.

Đồng thời, Nghị định này cũng bổ sung thêm điều kiện: Trong trường hợp tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp là doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ sở hữu hoặc thành viên hoặc cổ đông, tất cả các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đó phải có thời gian hoạt động bán hàng đa cấp trong thực tế tối thiểu là 03 năm liên tục ở một nước, vùng lãnh thổ trên thế giới.

Nghị định này bổ sung quy định "Doanh nghiệp không phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương trong trường hợp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp trên phạm vi toàn quốc".

Nghị định bổ sung Khoản 13, 14 Điều 40 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP về trách nhiệm của doanh nghiệp bán hàng đa cấp. Theo đó, doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải đảm bảo tối thiểu 20% doanh thu bán hàng đa cấp trong một năm tài chính là doanh thu từ khách hàng không phải là người tham gia bán hàng đa cấp của doanh nghiệp đó.

Doanh nghiệp bán hàng đa cấp không cung cấp thông tin về thực phẩm bằng hình thức sử dụng hình ảnh, thiết bị, trang phục, tên, thư tín của các đơn vị, cơ sở y tế, bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế, thư cảm ơn, lời cảm ơn của người bệnh, bài viết của bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế; không cung cấp thông tin về thực phẩm có nội dung đăng tải, dẫn, trích dẫn hoặc nêu ý kiến người bệnh mô tả thực phẩm có tác dụng điều trị bệnh.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/6/2023.

**\* Ngày 27/4, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 11/2023/QĐ-TTg quy định mức giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo.**

Theo Quyết định, từ ngày 01/12/2023, mức giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo là từ 400.000.000 đồng trở lên. Hiện nay, Quyết định số 20/2013/QĐ-TTg quy định mức giá trị của giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo là 300.000.000 đồng.

Đối tượng áp dụng là tổ chức tài chính; tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 Luật Phòng, chống rửa tiền.

**\* Ngày 24/4, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Thông tư số 01/2023/TT-BKHCN ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về thẩm định cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.**

Thông tư này ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 5 dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước sau: Thẩm định cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công

nghệ cao; thẩm định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao; thẩm định cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao; thẩm định cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao; thẩm định cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

Định mức kinh tế - kỹ thuật tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này được áp dụng chung cho 5 dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nêu trên.

Thông tư nêu rõ nội dung định mức kinh tế kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 21/2019/TT-BKH&CN, bao gồm các định mức thành phần như sau:

a) Định mức lao động bao gồm thời gian lao động trực tiếp (thực hiện) và gián tiếp (quản lý, phục vụ), trong đó:

Định mức lao động bằng định mức lao động trực tiếp (thực hiện) cộng định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ).

Trong đó, định mức lao động trực tiếp là thời gian thực hiện xong một dịch vụ sự nghiệp công về thẩm định cấp Giấy chứng nhận hoạt động công nghệ cao đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định.

Định mức lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ) thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công về thẩm định cấp Giấy chứng nhận hoạt động công nghệ cao được tính bằng 15% của định mức lao động trực tiếp.

Mức hao phí thời gian lao động trong định mức được tính bằng công (01 công quy đổi bằng 08 giờ).

b) Định mức máy móc, thiết bị là thời gian sử dụng cần thiết đối với từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành một dịch vụ sự nghiệp công về thẩm định cấp Giấy chứng nhận hoạt động công nghệ cao đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định.

Mức hao phí máy móc, thiết bị trong định mức được tính bằng ca (01 ca quy đổi bằng 08 giờ).

c) Định mức vật tư là mức tiêu hao từng loại nguyên, nhiên liệu, số lượng vật tư cần thiết được sử dụng để hoàn thành một dịch vụ sự nghiệp công về thẩm định cấp Giấy chứng nhận hoạt động công nghệ cao đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/6/2023.

*Anh Cao - Cổng thông tin điện tử Bộ Nội vụ*

## NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### \* Thủ tướng Chính phủ:

Điều động, bổ nhiệm ông Ngô Hoàng Ngân, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Quảng Ninh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Bổ nhiệm lại chức vụ Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng đối với Trung tướng Trần Duy Giang.

Bổ nhiệm lại chức vụ Chính ủy Quân khu 4, Bộ Quốc phòng đối với Trung tướng Trần Võ Dũng.

Kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng đến hết tuổi phục vụ tại ngũ theo quy định đối với Thiếu tướng Nguyễn Hoài Phương.

Kéo dài thời gian giữ chức vụ Phó Tư lệnh Quân khu 1, Bộ Quốc phòng đến hết tuổi phục vụ tại ngũ theo quy định đối với Thiếu tướng Lê Anh Tuấn.

Kéo dài thời gian giữ chức vụ Chính ủy Học viện Quốc phòng, Bộ Quốc phòng đến hết tuổi phục vụ tại ngũ theo quy định đối với Thượng tướng Lương Đình Hồng.

### **Phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ:**

Ngày 28/4/2023, Thủ tướng Phạm Minh Chính ký ban hành Quyết định số 459/QĐ-TTg phê duyệt danh sách thành viên Ban Chỉ đạo quốc gia về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

Theo Quyết định, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà là Trưởng ban Ban Chỉ đạo.

Các Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo gồm: Ông Võ Minh Lương, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; ông Nguyễn Bá Hoan, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Các Ủy viên Ban Chỉ đạo gồm: Ông Phan Xuân Thủy, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Trung ương; bà Trương Thị Ngọc Ánh, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; ông Trần Quốc Tỏ, Thứ trưởng Bộ Công an; ông Hà Kim Ngọc, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao; ông Võ Thành Hưng, Thứ trưởng Bộ Tài chính; ông Nguyễn Huy Dũng, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; ông Trần Văn Tùng, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; ông Trần Văn Thuấn, Thứ trưởng Bộ Y tế.

Ủy viên Ban Chỉ đạo còn có: Ông Lê Quang Minh, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; ông Phùng Sĩ Tấn, Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam; ông Phạm Hồng Hương, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; ông Chu Hoàng Hà, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; ông Đinh Đắc Vĩnh, Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam; ông Trần Minh Hùng, Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam; ông Đoàn Quang Hòa, Cục trưởng Cục Chính sách, Tổng cục

Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; ông Đào Ngọc Lợi, Cục trưởng Cục Người có công, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Quyết định này thay thế Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo quốc gia về tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

**\* Bộ Công an:**

Đại tá Lưu Hồng Quảng, Giám đốc Công an tỉnh Lào Cai được điều động đến nhận công tác mới tại Bộ Công an.

Đại tá Cao Minh Huyền, Phó Giám đốc Công an tỉnh Nghệ An được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công an tỉnh Lào Cai.

Thượng tá Mai Thế Quang, Phó Giám đốc Công an tỉnh Quảng Ninh được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục nghiệp vụ, Bộ Công an.

Trung tá Phạm Văn Dũng, Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ thuộc Bộ Công an được điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Công an tỉnh Quảng Ninh.

**\* Bộ Y tế:**

GS. TS. Trần Văn Thuấn, Ủy viên Ban Cán sự Đảng, Thứ trưởng Bộ Y tế kiêm nhiệm phụ trách, điều hành Bệnh viện Việt Đức theo sự phân công của Ban Cán sự Đảng, Bộ trưởng Bộ Y tế, kể từ ngày 01/5/2023.

**\* Ban Bí thư Trung ương Đảng:**

Chuẩn y đồng chí Phạm Trọng Hoàng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Nghệ An giữ chức vụ Ủy viên, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Nghệ An nhiệm kỳ 2020 - 2025.

**\* Tỉnh Thái Nguyên:**

Chuẩn y bà Nguyễn Thị Loan, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Bình giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Phú Bình, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*